

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỮ GIA**

---

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**NĂM 2011**



**ISO 9001:2000**

**Ngày 25 Tháng 03 Năm 2012**

## MỤC LỤC



<b>I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY</b> .....	2
1. Giới thiệu về công ty .....	2
2. Quá trình hình thành phát triển.....	2
3. Các thành tích đạt được trong quá trình phát triển .....	3
4. Ngành nghề kinh doanh và sản phẩm/dịch vụ của Công ty.....	3
<b>II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b> .....	7
1. Đặc điểm tình hình.....	7
2. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động năm 2011 .....	8
3. Tình hình thực hiện so với kế hoạch .....	9
4. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai.....	9
<b>III. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC</b> .....	11
1. Báo cáo tình hình tài chính năm 2011 .....	12
2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.....	12
3. Những tiến bộ công ty đã đạt được trong năm 2011 .....	13
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.....	14
<b>IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH</b> .....	16
1. Bảng cân đối kế toán đã được kiểm toán.....	16
2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.....	18
3. Các chỉ tiêu tài chính .....	18
<b>V. BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN</b> .....	19
1. Đơn vị kiểm toán độc lập.....	19
2. Ý kiến kiểm toán độc lập.....	19
<b>VI. CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN</b> .....	19
1. Danh sách các Công ty nắm giữ quyền kiểm soát và cổ phần chi phối Công ty Cổ phần Cơ khí – Điện Lữ Gia .....	19
2. Danh sách các Công ty mà Công ty Cổ phần Cơ khí – Điện Lữ Gia đang nắm giữ quyền kiểm soát và chi phối .....	19
<b>VII. TỔ CHỨC NHÂN SỰ</b> .....	20
1. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty.....	20
2. Số lượng cán bộ, nhân viên và Chế độ làm việc, chính sách đối với người lao động .....	23
3. Những thay đổi trong bộ máy lãnh đạo Công ty năm 2011.....	24
<b>VIII. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG/THÀNH VIÊN GÓP VỐN VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY</b> .....	24
1. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành .....	24
2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông/ thành viên góp vốn.....	33

## I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

### 1. Giới thiệu về công ty

---

Tên công ty:	<b>CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – ĐIỆN LỮ GIA</b>
Tên gọi tắt:	<b>LUGIACO</b>
Tên giao dịch đối ngoại:	<b>LUGIA MECHANICAL ELECTRIC JOINT STOCK COMPANY</b>
Vốn điều lệ:	82.835.610.000 đồng ( <i>Tám mươi hai tỷ tám trăm ba mươi lăm triệu sáu trăm mười nghìn đồng</i> )
Website:	<a href="http://www.lugiaco.com.vn">http://www.lugiaco.com.vn</a>
Điện thoại:	(84-8) 38688239
Fax:	(84-8) 38688189
Trụ sở:	Số 70 đường Lữ Gia, Phường 15, Quận 11, TP. HCM

---



### 2. Quá trình hình thành phát triển :

#### 2.1 Sự hình thành và phát triển

Tiền thân của Công ty Cổ phần Cơ khí - Điện Lữ Gia (LUGIACO) là Công ty Cơ khí Lữ Gia, một doanh nghiệp nhà nước được thành lập năm 1978. Trong bối cảnh đất nước mới thống nhất vẫn còn rất nhiều khó khăn, với số vốn ít ỏi ban đầu và đội ngũ công nhân khiêm tốn, Công ty đã nỗ lực không ngừng để phát triển trở thành một trong những Công ty xây lắp điện và trang thiết bị chiếu sáng có uy tín trong nước. Đến tháng 12/1999, Công ty chuyển thành Công ty Cổ phần Cơ khí - Điện Lữ Gia theo quyết định số 8032/QĐ-UB-KT ngày 28/12/1999 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện nay, Công ty là đơn vị trực thuộc Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn (SAMCO)

Công ty Cổ phần Cơ khí – Điện Lữ Gia là một trong những công ty có uy tín của Việt Nam trong lĩnh vực sản xuất và lắp đặt các hệ thống đèn chiếu sáng công cộng và tín hiệu giao thông. Sản phẩm của Công ty đã có mặt trên thị trường Việt Nam hơn 25 năm và được các khách hàng trong và ngoài nước tín nhiệm. Sản phẩm đèn và trụ đèn của Công ty được lắp đặt cho nhiều hệ thống chiếu sáng công cộng ở các khu chế xuất, khu công nghiệp, đường bờ Bắc - bờ Nam cầu Mỹ Thuận, các đoạn đường quốc lộ lớn, các hệ thống chiếu sáng ở các tỉnh miền Tây, miền Trung và miền Bắc. Bên cạnh đó, sản phẩm của Công ty cũng được xuất khẩu sang thị trường khu vực lân cận là Campuchia.

#### 2.2 Niêm yết

Ngày 27/11/2006 Công ty cổ phần cơ khí Điện Lữ Gia được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp giấy phép niêm yết lần đầu theo quyết định số 87/UBCK-GPNY và Chính thức niêm yết 1.000.000 cổ phiếu trên sở giao dịch chứng khoán TP.HCM (HOSE) vào ngày 27/12/2006.

Ngày 08/01/2008 LUGIACO niêm yết bổ sung 2.000.000 cổ phiếu phát hành thêm trên HOSE

Ngày 10/02/2009 LUGIACO niêm yết bổ sung 45.305.100 cổ phiếu phát hành thêm trên HOSE

Ngày 17/07/2009 LUGIACO niêm yết bổ sung 753.051 cổ phiếu phát hành thêm trên HOSE

Tổng số cổ phiếu LGC đang niêm yết trên HOSE hiện nay là 8.283.561 cổ phiếu.

### 3. Các thành tích đạt được trong quá trình phát triển

Qua hơn 25 năm xây dựng và phát triển, Công ty đã được Nhà nước trao tặng Huân chương Lao động hạng Nhất, Nhì và Ba. Các sản phẩm của Công ty tham dự hội chợ thành tựu khoa học kỹ thuật toàn quốc đoạt 04 huy chương vàng, 01 huy chương bạc và được Ban Tổ chức Mạng doanh nghiệp Việt Nam bình chọn là “Doanh nghiệp uy tín – chất lượng năm 2005”.

Qua nhiều năm tích lũy vốn và đầu tư thiết bị chiều sâu, đến nay, Công ty đã chế tạo được các sản phẩm đèn chiếu sáng công cộng từ 70 đến 400W, trụ đèn đường loại tròn côn và bát giác côn dài từ 04 đến 30 mét. Các sản phẩm đèn chiếu sáng của Công ty đã được Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh chọn đưa vào "Chương trình phát triển các sản phẩm công nghiệp chủ lực của Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2002-2005". Một số công trình tiêu biểu gắn liền với sự phát triển của Công ty như: Hệ thống chiếu sáng tại nút giao thông bờ Nam cầu Mỹ Thuận, hệ thống chiếu sáng Đại Lộ Hùng Vương (Thành phố Hồ Chí Minh), đường Xuyên Á, Hệ thống chiếu sáng công trình An Sương – An Lạc, Khu Công Nghiệp Nhơn Trạch – Đồng Nai, Trung Lương – Mỹ Thuận, Cầu Phú Mỹ, Cầu Rạch Miễu, Cầu Nguyễn Văn Cừ, Đường Cao tốc vào sân Bay Liên Khương, Hệ thống chiếu sáng Sân Bay Tân Sơn Nhất, Hệ thống chiếu sáng Quốc lộ 51, Đại lộ đông tây (đường Võ Văn Kiệt), ... Hiện nay Công ty đang thi công một số công trình lớn như: Hệ thống chiếu sáng đường Xa lộ Hà Nội, Đoạn giao Nguyễn Thị Định - Liên tỉnh lộ 25B, cầu Rạch Chiếc, Hệ thống chiếu sáng núi Bokor Campuchia.

Ngày 17 tháng 11 năm 2003, Công ty đã được Công ty TUV Rheinland Việt Nam cấp chứng chỉ số 01100039086 về việc áp dụng hệ thống Quản lý Chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000, và đến Tháng 11/2009 Công ty TUV Rheinland Việt Nam tái đánh giá với kết quả hệ thống quản lý chất lượng của LUGIACO là phù hợp với hệ thống quản lý chất lượng quốc tế theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008

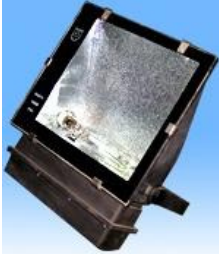
### 4. Ngành nghề kinh doanh và sản phẩm/dịch vụ của Công ty

Ngành nghề kinh doanh: Theo Giấy CNĐKKD công ty cổ phần số 4103000020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 08/03/2000 và thay đổi lần thứ 8 ngày 10/09/2009, Công ty được phép kinh doanh các lĩnh vực sau:

- > Sản xuất kinh doanh các thiết bị cơ khí – điện cho hệ thống chiếu sáng, tín hiệu giao thông và trang trí nội thất.
- > Sản xuất kinh doanh các thiết bị cơ khí cho yêu cầu phục vụ vệ sinh môi trường.
- > Sản xuất kinh doanh các loại trụ, cột bằng kim loại.
- > Thiết kế, thi công lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng công cộng và hệ thống đèn tín hiệu giao thông.
- > Sản xuất kinh doanh và lắp đặt các loại thiết bị báo hiệu giao thông.
- > Sản xuất kinh doanh các thiết bị cơ khí, cơ khí chính xác và các sản phẩm khác theo luật định.
- > Sản xuất kinh doanh và lắp đặt các cấu kiện sắt thép công nghiệp và dân dụng.
- > Xuất nhập khẩu trực tiếp vật tư, nguyên liệu, thành phẩm và máy móc thiết bị có liên quan đến chức năng hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.
- > Kinh doanh nhà ở. Dịch vụ thương mại. Đại lý bán lẻ xăng dầu. Mua bán vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất. Đào tạo dạy nghề.

> Thi công xây lắp đường dây tải điện và trạm biến áp dưới 35 KV.

Sản phẩm cung cấp: Với các lĩnh vực kinh doanh đã được đăng ký như trên, Công ty cung cấp các sản phẩm sau:

Sản phẩm	Công dụng	Đặc điểm	Hình ảnh minh họa
<b>ĐÈN CHIẾU SÁNG CÔNG CỘNG</b>	Chiếu sáng công cộng, trên các trục chính giao thông, trong khu dân cư, đường phố...	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thân đèn bằng nhôm đúc áp lực hoặc nhôm tấm, dập vuốt; sơn tĩnh điện.</li> <li>- Phản quang bằng nhôm tấm dập, bề mặt được xử lý anốt hoá.</li> <li>- Chóa đèn bằng thủy tinh chịu nhiệt hoặc nhựa PMMA.</li> <li>- Sử dụng bóng 150W-250W/220V (sodium - metal)</li> </ul>	
	Chiếu sáng quảng trường, tượng đài, sân thể thao, bảng quảng cáo...	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thân đèn bằng nhôm đúc áp lực, sơn tĩnh điện.</li> <li>- Chóa đèn bằng thủy tinh chịu nhiệt.</li> <li>- Kích thước: 720 mm x 640 mm x 230 mm</li> </ul>	

Sản phẩm	Công dụng	Đặc điểm	Hình ảnh minh họa
<p><b>TRỤ ĐÈN</b></p>	<p><u>Trụ đèn trang trí / Trụ đèn trang trí để gang:</u> trang trí cho công viên, sân vườn, đường phố, khu dân cư, biệt thự...</p>	<p><u>Đặc điểm chung:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Độ cao từ 3,5m – 5m.</li> <li>- Được lắp các đèn trang trí có công suất từ 20W – 75W.</li> <li>- Được thiết kế phù hợp với kiến trúc phố cổ, sân vườn, công viên, quảng trường,...</li> <li>- Được thiết kế lắp được từ 1 – 5 đèn.</li> </ul> <p><u>Trụ đèn trang trí:</u> trụ sắt được nhúng kẽm, sơn màu.</p> <p><u>Trụ đèn trang trí để gang:</u> để trụ được đúc bằng gang, sơn màu.</p>	
	<p><u>Trụ bát giác côn / Trụ tròn côn / Trụ đèn chiếu sáng:</u> sử dụng trong các công trình chiếu sáng công cộng như đường sá, cầu phà....</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trụ bằng thép, nhúng kẽm.</li> <li>- Trụ cao từ 4,5m – 12m. (Riêng Trụ đèn chiếu sáng cao từ 8m – 12m; cần và thân trụ được sơn màu)</li> </ul>	
	<p><u>Trụ đèn cao:</u> chiếu sáng khu vực rộng như sân bay, bến cảng, quảng trường, giao lộ cầu vượt, các xa lộ</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trụ cao từ 14m – 30m</li> <li>- Trụ được thiết kế gắn từ 4 đến 12 bóng - công suất từ 250W – 1000W/220V (sodium - metal)</li> </ul>	

Sản phẩm	Công dụng	Đặc điểm	Hình ảnh minh họa
<b>ĐÈN SÂN VƯỜN</b>	Chiếu sáng lối đi trong công viên, biệt thự....	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thân đèn bằng nhôm hoặc tole cuốn, sơn tĩnh điện.</li> <li>- Chóa đèn bằng nhựa PE, PMMA.</li> <li>- Sử dụng bóng từ 12W – 40W /220V.</li> </ul>	
<b>ĐÈN TÍN HIỆU GIAO THÔNG</b>	Điều khiển các luồng giao thông tại các giao lộ.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thân trụ được làm bằng nhôm hoặc bằng thép nhúng kẽm.</li> <li>- Sử dụng đèn LED<sup>1</sup> hoặc đèn HALOGEN chuyên dùng.</li> <li>- Điều khiển tín hiệu bằng PLC<sup>2</sup> và vi xử lý.</li> <li>- Điều khiển đèn tín hiệu bằng tay hoặc tự động.</li> </ul>	
<b>TRỤ ĐIỆN LỰC</b>	Treo cáp, truyền tải điện cho các hệ thống truyền tải cao áp từ 110KV trở lên	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cao từ 20m-50m</li> <li>- Được làm bằng thép tấm cường độ cao dập định hình, mạ kẽm</li> <li>- Thích hợp lắp tại những nơi đô thị và những nút giao.</li> </ul>	

Ngoài việc cung cấp sản phẩm, Công ty còn thực hiện **tu vấn, thiết kế, thi công lắp đặt mới** các hệ thống liên quan đến chiếu sáng, giao thông và tải điện bao gồm:

- Hệ thống đèn chiếu sáng công cộng, đèn chiếu sáng trang trí.
- Hệ thống đèn tín hiệu giao thông.
- Công trình đường dây tải điện và trạm biến áp dưới 35 KV.
- Cấu kiện sắt thép công nghiệp, dân dụng.

<sup>1</sup> Đèn LED (Light-emitting Diode): Đèn đi-ốt phát sáng

<sup>2</sup> Programmable Logic Controller: Bộ điều khiển lập trình luận lý

## I. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### 1. Đặc điểm tình hình năm 2011

Thực hiện theo Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông năm 2011; Được sự chỉ đạo kịp thời của HĐQT về chủ trương, định hướng phát triển Công ty, Sự điều hành năng động của Ban Lãnh Đạo Công ty với quyết tâm cao của toàn thể CB – CNV Công Ty Cổ Phần Cơ Khí – Điện Lữ Gia trong Sản xuất – Kinh doanh năm 2011. Mặc dù, sự cạnh tranh ngày càng gay gắt trên thị trường và gặp không ít những khó khăn chủ quan cũng như khách quan trong quá trình phát triển đi lên của doanh nghiệp.

Trong quá trình phát triển đi lên của công ty, bên cạnh những điều kiện thuận lợi, thì trong năm 2011 công ty cũng gặp không ít những khó khăn, cụ thể như sau:

#### 1.1- Thuận lợi:

- Là đơn vị có uy tín và kinh nghiệm nhiều năm trong lĩnh vực chiếu sáng công cộng và đã thực hiện nhiều dự án lớn mang tầm cỡ quốc gia.
- Đội ngũ cán bộ kỹ thuật có trình độ cao, có kinh nghiệm thiết kế và thi công nhiều công trình lớn, được chủ đầu tư đánh giá cao.
- Cổ đông lớn của công ty là nhà đầu tư lớn về các lĩnh vực cầu đường, khu công nghiệp và khu đô thị mới, đã tạo điều kiện cho Công ty tham gia thực hiện nhiều công trình có giá trị lớn, hiệu quả cao.
- Căn hộ tại chung cư Lữ Gia Plaza đã bán được 157/166 căn, do vậy dự án ít bị ảnh hưởng tình trạng đóng băng của thị trường địa ốc.

#### 1.2 - Những khó khăn

##### 2.1. *Khó khăn ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh*

- Các dự án đầu tư hạ tầng giao thông, khu công nghiệp, khu đô thị mới đều bị ngưng trệ do chính sách siết chặt đầu tư công của nhà nước, thị trường bất động sản đóng băng;
- Giá nguyên vật liệu, vật tư đầu vào, lương công nhân và các chi phí điện, nước ... tăng; giá thành sản phẩm của công ty cao do phải khấu hao máy móc đầu tư mới tại nhà máy khu công nghiệp Nhơn Trạch 5. Sản phẩm của Công ty phải cạnh tranh khốc liệt với các đối thủ cạnh tranh đến từ Trung Quốc và các đơn vị trong nước;
- Một số công trình thời gian thi công kéo dài do không có mặt bằng .

##### 2.2. *Những khó khăn trong việc kinh doanh căn hộ cao ốc Lữ Gia Plaza*

- Việc thi công, hoàn thiện căn hộ không hoàn thành đúng theo kế hoạch làm phát sinh nhiều chi phí và gây khó khăn cho công tác nghiệm thu, bàn giao;
- Cho thuê văn phòng cũng gặp nhiều khó khăn do kinh tế suy thoái, các doanh nghiệp mới thành lập rất ít, các doanh nghiệp đang thuê tại các cao ốc khác được các chủ cao ốc giảm giá, cung cấp dịch vụ gia tăng nên việc thu hút các doanh nghiệp này gặp nhiều khó khăn;
- Bán căn hộ penhouse còn lại cũng gặp khó khăn do tính hình đóng băng của thị trường bất động sản và tâm lý người mua đang chờ giảm giá nữa.

#### **Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm 2011**



Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2010	Kế hoạch năm 2011	Thực hiện năm 2011	So sánh TH2011/KH2011	So sánh TH2011/TT2010
1. Doanh thu	219.537.158.090	250.000.000.000	181.642.728.264	72,7%	82,7%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	1.166.521.297	0	1.693.195.943		145,1%
3. Doanh thu thuần	218.370.636.793	250.000.000.000	179.949.532.321	72,0%	82,4%
4. Giá vốn hàng bán	157.177.033.871	193.165.000.000	153.908.440.463	79,7%	97,9%
5. Lợi nhuận gộp	61.193.602.922	56.835.000.000	26.041.091.858	45,8%	42,6%
6. Doanh thu hoạt động tài chính	202.123.374		602.151.559		297,9%
7. Chi phí tài chính	4.436.101.212	3.743.401.713	3.395.923.799	90,7%	76,6%
8. Chi phí bán hàng	4.481.638.091	6.233.114.228	5.586.218.064	89,6%	124,6%
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	6.172.373.875	6.757.024.791	8.502.280.429	125,8%	137,7%
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	46.305.613.118	40.101.459.268	9.158.821.125	22,8%	19,8%
11. Thu nhập khác	207.138.507		341.818.182		165,0%
12. Chi phí khác			3.990.679.038		
13. Lợi nhuận khác	207.138.507	0	(3.648.860.856)		
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	46.512.751.625	40.101.459.268	5.509.960.269	13,7%	11,8%
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	8.981.169.418	10.025.364.817	186.554.849	1,9%	2,1%
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	37.531.582.207	30.076.094.451	5.323.405.420	17,7%	14,2%

**Trong đó: doanh thu các hoạt động cụ thể như sau:**

TT	CHỈ TIÊU	Thực hiện năm 2010 (triệu đồng)	Kế hoạch năm 2011 (triệu đồng)	Thực hiện năm 2011 (triệu đồng)	So sánh % thực hiện 2011 với thực hiện 2010(%)	So sánh % thực hiện 2011 với kế hoạch 2011(%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)/(3)	(7)=(5)/(4)
	DOANH THU BÁN HÀNG VÀ DỊCH VỤ	218.370	250.000	179.949	82,4	72,0
I	Doanh thu bán hàng	32.453	38.000	31.572	97,3	83,1

II	Doanh thu thi công công trình	52.602	62.000	52.055	98,9	83,9
III	Doanh thu bán căn hộ	133.315	150.000	94.111	70,6	62,7
IV	Doanh thu cho thuê mặt bằng			2.211		

**a. Tổng doanh thu**

Tổng doanh thu: 179,9 tỷ đồng (làm tròn số), đạt 72% chỉ tiêu kế hoạch năm 2011, và giảm 18,3% so với thực hiện cùng kỳ năm 2010, trong đó:

- Doanh thu bán hàng 2011 là 31,6 tỷ đồng, bằng 97,3% so với doanh thu bán hàng năm 2010 .
- Doanh thu thi công công trình: 52,1 tỷ đồng, bằng 98,9% so với doanh thu thi công công trình năm 2010.
- Doanh thu bán căn hộ: 94,1 tỷ đồng , bằng 70,6% so với doanh thu bán căn hộ năm 2010.
- Doanh thu hoạt động cho thuê VP năm 2011 là 2,2 tỷ đồng

**b. Chi phí:**

Tổng chi phí năm 2011 là 175,4 tỷ đồng, tăng 1,8% so với thực hiện cùng kỳ năm 2010 và giảm 16,4 % so với chỉ tiêu kế hoạch năm 2011.

**c. Lợi nhuận:**

Lợi nhuận sau thuế đạt 5,3 tỷ đồng, giảm 85,8% so với thực hiện năm 2010, đạt 17,7% chỉ tiêu kế hoạch năm 2011.

**2. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai.**

Do tình hình kinh tế 2012 chính sách thắt chặt tiền tệ để chống lạm phát, hạn chế đầu tư công của chính phủ, điều này ảnh hưởng rất lớn đến tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nhất là lĩnh vực thi công hệ thống chiếu sáng công cộng và dự báo năm 2012 là một năm rất khó khăn. Với sự khó khăn đó trong năm 2012, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2012 dự kiến như sau:

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2012	Thực hiện năm 2011	So sánh KH 2012/TH2011
1- Tổng doanh thu	183.360.000.000	180.893.502.062	101,36%
2- Tổng chi phí	172.425.405.649	175.383.541.793	98,31%
3- Tổng Lợi nhuận trước thuế	10.934.594.351	5.509.960.269	198,45%
4- Lợi nhuận sau thuế	8.200.945.763	5.323.405.420	154,05%

**+Tổng doanh thu:**

Tổng doanh thu kế hoạch năm 2012 là 183,36 tỷ đồng, tăng 1,36% so với thực hiện năm 2011, trong đó:

- Doanh thu bán hàng : 35 tỷ đồng
- Doanh thu thi công công trình : 65 tỷ đồng
- Doanh thu hoạt động cho thuê VP: 18 tỷ đồng
- Doanh thu kinh doanh căn hộ: 65 tỷ đồng

#### **+Tổng chi phí:**

Tổng chi phí kế hoạch năm 2012 là 172,42 tỷ đồng giảm 1,69% so với thực hiện cùng kỳ năm 2011.

#### **+Tổng lợi nhuận trước thuế:**

Kế hoạch Lợi nhuận trước thuế năm 2012 đạt 10,93 tỷ đồng tăng 98,45% so với thực hiện năm 2011

#### **+Lợi nhuận sau thuế:**

Kế hoạch Lợi nhuận sau thuế năm 2012 đạt 8,2 tỷ đồng tăng 54,05% so với thực hiện năm 2011

### **3. Mục tiêu phấn đấu**

**1. Thi công công trình:** Doanh thu về thi công công trình năm 2012 dự kiến là 65tỷ đồng, tăng 5% so với kế hoạch năm 2011 và 24,8% so với thực hiện năm 2011.

a./ Các dự án đã ký Hợp đồng năm 2011 còn lại là 15.400.136.000 cụ thể như sau:

- Dự án HTCS mở rộng Quốc lộ 51 là : 1.864.822.000
- Dự án HTCS Đại lộ đông tây là : 1.830.441.000
- Dự án HTCS đường tỉnh lộ 25B là : 7.989.246.000
- Dự án HTCS Cầu Rạch Tra là : 3.715.627.000

b./ Các dự án đã ký hợp đồng cho năm 2012 như sau :

- Dự án lắp đặt HTCS Cambodia là :17.600.000.000
- Hệ thống đèn trang trí công viên nóc hầm Thủ Thiêm : 476.251.000

**2.Kinh doanh thuần túy bán hàng về các sản phẩm chính của Lữ Gia như trụ đèn, cần đèn, đèn:** Kế hoạch Doanh thu bán hàng năm 2012 là 35 tỷ, tăng 10,8% so với thực hiện năm 2011. Năm 2012 công ty đối đầu với những khó khăn lớn về hoạt động bán hàng do các lĩnh vực sử dụng sản phẩm của Lữ Gia như hệ thống giao thông, hạ tầng kỹ thuật các khu công nghiệp khu dân cư, cảng biển đều bị cắt giảm đầu tư.

**3. Kinh doanh căn hộ tại chung cư Lữ Gia:** kế hoạch năm 2012 là 65 tỷ đồng bằng 43,3% so với kế hoạch năm 2011 và bằng 68,8% so với thực hiện 2011: Doanh thu căn hộ giảm mạnh do đang vào giai đoạn cuối bàn giao nhà và chỉ còn đợt thanh toán cuối cùng là 5% của hợp đồng.

**4. Kinh doanh cho thuê văn phòng: 18 tỷ đồng.**

Năm 2012 tiếp tục là một năm khó khăn trong lĩnh vực cho thuê văn phòng. Tình hình kinh tế khó khăn khiến các doanh nghiệp tăng cường tiết giảm chi phí đặc biệt là

chi phí thuê văn phòng, các doanh nghiệp có văn phòng cho thuê thực hiện nhiều biện pháp giữ chân các doanh nghiệp đang thuê như giảm giá cho thuê, tăng cường các dịch vụ miễn phí, các doanh nghiệp thành lập mới rất ít.

## 4.2. Giải pháp thực hiện:

Để đảm bảo thực hiện mục tiêu về doanh thu năm 2012 Công ty cần tập trung, thực hiện các giải pháp chủ yếu như sau:

### 1) Giải pháp marketing mở rộng thị trường:

- Phát triển bộ phận Marketing, đẩy mạnh công tác tiếp thị, tăng cường mối quan hệ với các ban quản lý giao thông đô thị và sở giao thông của TP. HCM và các tỉnh đặc biệt là vùng kinh tế trọng điểm Phía Nam, với chủ đầu tư các cảng biển, sân bay nhằm tiếp cận và dự thầu các công trình thi công hệ thống chiếu sáng. Đẩy mạnh quan hệ với các khu quản lý giao thông đô thị và sở giao thông nhằm tham gia thực hiện chủ trương xã hội hóa công tác duy tu hệ thống chiếu sáng của Thành phố.

- Phát triển hệ thống phân phối nhằm tạo doanh thu, việc làm ổn định cho nhà máy và khấu hao.

- Phát triển mạnh công tác tiếp thị tại thị trường nước ngoài, trước mắt là thị trường Cambodia.

- Đẩy mạnh công tác tiếp thị, tăng cường mối quan hệ với ban quản lý dự án điện lực, sở Công Thương các tỉnh, thành phố nhằm tiêu thụ trụ điện đơn thân.

### 2) Giải pháp đầu tư, kỹ thuật và nhân sự:

- Tăng cường bố trí, đào tạo, tuyển dụng những nhân sự có năng lực góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh, nâng cao chất lượng, đa dạng hóa sản phẩm, hạ giá thành sản phẩm.

- Bố trí đội ngũ kỹ sư nhiều kinh nghiệm, công nhân có tay nghề để vận hành nhà máy, đẩy mạnh tiết kiệm, tăng năng suất lao động, nâng cao hiệu quả quản lý nhà máy.

- Tiếp tục nghiên cứu thiết kế và liên kết với một số đơn vị có thương hiệu, có năng lực thiết kế đưa vào sản xuất một số mẫu mã sản phẩm mới về trụ đèn, đèn chiếu sáng và trụ trang trí và trụ điện lực nhằm đa dạng hóa sản phẩm, hạ giá thành, tận dụng tiềm năng của nhà máy..

- Củng cố bộ phận KCS, phân đấu sản phẩm xuất xưởng có sản phẩm khuyết tật ở mức thấp nhất.

### 3) Các giải pháp khác:

- Đẩy nhanh tiến độ hoàn tất hồ sơ thanh quyết toán các công trình đã được nghiệm thu đưa vào sử dụng. Kết hợp chặt chẽ với Chủ đầu tư các công trình dở dang, đẩy nhanh tiến độ bàn giao mặt bằng và thi công hoàn tất các công trình.

- Tăng cường các giải pháp tích cực thu hồi những khoản nợ khó đòi, chậm trả.

- Liên danh với các đơn vị có năng lực và kinh nghiệm, phát triển lĩnh vực mới trên cơ sở tận dụng máy móc thiết bị và đội ngũ cán bộ kỹ thuật hiện có như xây dựng nhà tiền chế, các sản phẩm cơ khí.

- Tăng cường công tác tiếp thị, hoàn thiện công tác quản lý tòa nhà, nâng cao chất lượng dịch vụ để tăng doanh thu cho thuê văn phòng và bán các căn hộ penhouse còn lại

- Xây dựng lại mô hình, bộ máy quản lý theo hướng tinh, gọn, hiệu quả nhằm nâng cao năng lực điều hành, quản lý của đơn vị, tiết kiệm chi phí. Cải tiến chế độ tiền lương nhằm phát huy tối đa năng lực của đội ngũ cán bộ quản lý, công nhân kỹ thuật, người lao động, nâng cao năng lực cạnh tranh của đơn vị.

## II. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC:

### Tình hình tài chính Công ty năm 2011

#### 1-Bảng cân đối kế toán năm 2011

CHỈ TIÊU	Mã số	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4
<b>A. Tài sản ngắn hạn(100=110+120+130+140+150)</b>	<b>100</b>	<b>92.967.799.840</b>	<b>87.227.108.179</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>2.215.069.338</b>	<b>3.849.615.494</b>
1. Tiền	111	2.215.069.338	1.149.615.494
2. Các khoản tương đương tiền	112	-	2.700.000.000
<b>II.Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121	-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn(*) (2)	129	-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	<b>21.123.941.771</b>	<b>42.508.817.477</b>
1. Phải thu khách hàng	131	15.959.862.025	19.813.913.449
2. Trả trước cho người bán	132	6.329.543.953	23.320.507.872
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134	-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	1.474.675.482	227.441.014
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139	(2.640.139.689)	(853.044.858)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>64.836.986.239</b>	<b>37.042.997.136</b>
1. Hàng tồn kho	141	64.931.858.006	37.137.868.903
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149	(94.871.767)	(94.871.767)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>	<b>4.791.802.492</b>	<b>3.825.678.072</b>

1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10.140.000	43.337.356
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	2.952.771.047	2.408.088.793
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	-	
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	1.828.891.445	1.374.251.923
<b>B. Tài sản dài hạn(200=210+220+240+250+260)</b>	<b>200</b>	<b>298.723.219.040</b>	<b>300.765.781.750</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	-	
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212	-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213	-	
4. Phải thu dài hạn khác	218	-	
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	-	
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>	<b>218.316.201.790</b>	<b>292.879.087.900</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	72.939.624.211	70.378.736.027
- Nguyên giá	222	89.237.802.272	81.810.045.670
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223	(16.298.178.061)	(11.431.309.643)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		
- Nguyên giá	225		
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		
3. Tài sản cố định vô hình	227	7.661.346.874	7.853.384.938
- Nguyên giá	228	8.126.674.450	8.126.674.450
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229	(465.327.576)	(273.289.512)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	137.715.230.705	214.646.966.935
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	<b>79.982.241.809</b>	
- Nguyên giá	241	80.300.312.065	
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242	(318.070.256)	
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>-</b>	<b>5.009.400.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	-	5.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết liên doanh	252	-	
3. Đầu tư dài hạn khác	258	-	9.400.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài	259		

hạn(*)		-	
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>	<b>424.775.441</b>	<b>2.877.293.850</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	424.775.441	2.877.293.850
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	-	
3. Tài sản dài hạn khác	268	-	
<b>Tổng cộng tài sản (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>	<b>391.691.018.880</b>	<b>387.992.889.929</b>
<b>A. Nợ phải trả (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>	<b>231.915.086.055</b>	<b>232.863.066.440</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>	<b>75.639.369.079</b>	<b>112.140.870.357</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	40.540.696.934	32.681.142.401
2. Phải trả người bán	312	12.958.848.653	18.134.417.199
3. Người mua trả tiền trước	313	10.054.532.206	11.313.481.191
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	3.768.281.869	7.877.243.508
5. Phải trả người lao động	315	1.917.599.005	1.632.184.000
6. Chi phí phải trả	316	581.505.441	545.770.850
7. Phải trả nội bộ	317	-	
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318	-	
9. Các khoản phải trả phải nộp khác	319	2.925.441.329	36.888.842.837
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	-	
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	2.892.463.642	3.067.788.371
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>	<b>156.275.716.976</b>	<b>120.722.196.083</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331	-	
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	-	
3. Phải trả dài hạn khác	333	41.475.836.017	25.000.000.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	114.686.000.357	95.704.171.527
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	-	
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	113.880.602	18.024.556
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337	-	
<b>B. Vốn chủ sở hữu (400 = 410 + 430)</b>	<b>400</b>	<b>159.775.932.825</b>	<b>155.129.823.489</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>159.775.932.825</b>	<b>155.129.823.489</b>

1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	82.835.610.000	82.835.610.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	53.407.837.000	53.407.837.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413	-	
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414	-	
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415	-	
6. Chênh lệch tỉ giá hối đoái	416	(140.603.351)	110.820.300
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	3.559.991.134	3.293.820.863
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	624.928.244	624.928.244
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	-	
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	19.488.169.798	14.856.807.082
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421	-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>	-	-
2. Nguồn kinh phí	432	-	
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433	-	
<b>Tổng cộng nguồn vốn (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>	<b>391.691.018.880</b>	<b>387.992.889.929</b>

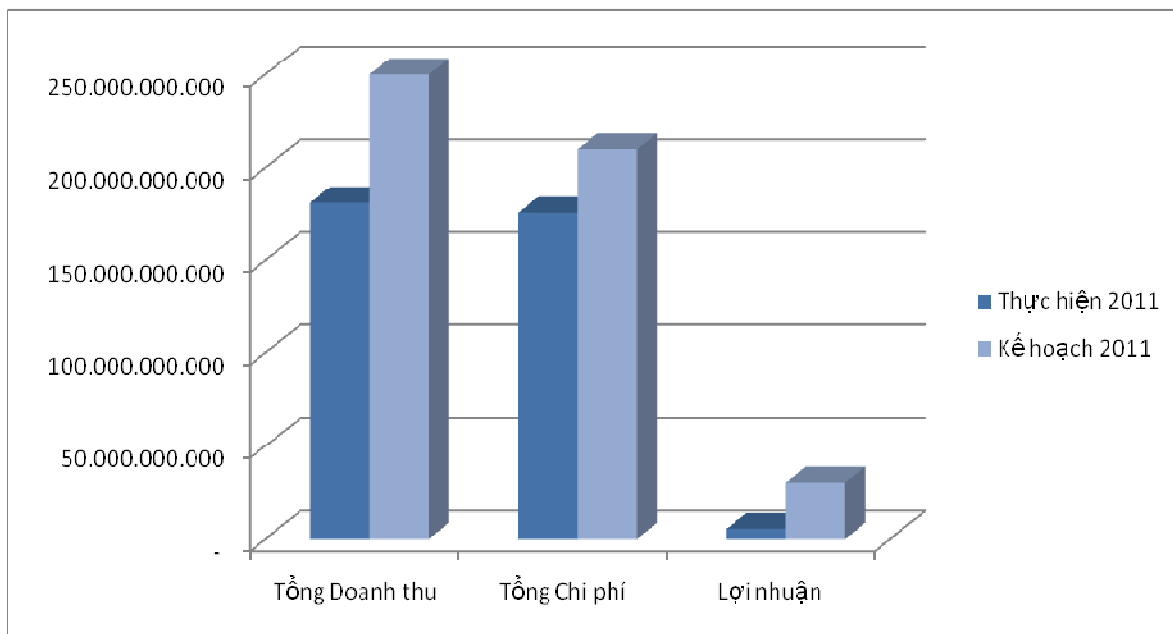
**2- Báo Cáo Kết Quả hoạt động kinh doanh năm 2011**

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2011	Năm 2010
<b>1. Doanh thu</b>	<b>01</b>	181.642.728.264	219.537.158.090
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	1.693.195.943	1.166.521.297
<b>3. Doanh thu thuần</b>	<b>10</b>	179.949.532.321	218.370.636.793
<b>4. Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	153.908.440.463	157.177.033.871
<b>5. Lợi nhuận gộp</b>	<b>20</b>	26.041.091.858	61.193.602.922
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	602.151.559	202.123.374
7. Chi phí tài chính	22	3.395.923.799	4.436.101.212
8. Chi phí bán hàng	24	5.586.218.064	4.481.638.091
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	8.502.280.429	6.172.373.875
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>	9.158.821.125	46.305.613.118

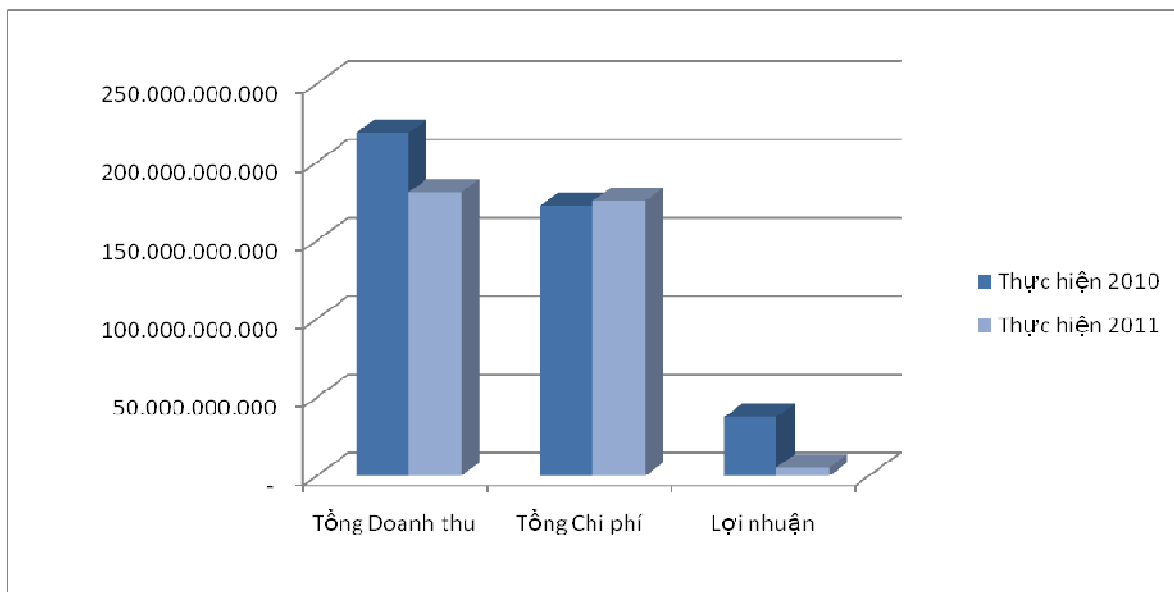


11. Thu nhập khác	31	341.818.182	207.138.507
12. Chi phí khác	32	3.990.679.038	-
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>	<b>(3.648.860.856)</b>	<b>207.138.507</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>	<b>5.509.960.269</b>	<b>46.512.751.625</b>
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	186.554.849	8.981.169.418
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>	<b>5.323.405.420</b>	<b>37.531.582.207</b>
<b>18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>643</b>	<b>4.531</b>

### SO SÁNH THỰC HIỆN NĂM 2011 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2011



SO SÁNH THỰC HIỆN NĂM 2010 VÀ THỰC HIỆN NĂM 2011



3-Các chỉ tiêu tài chính

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2011	Năm 2010
<b>1- Cơ cấu tài sản</b>			
- Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	0,24	0,22
- Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	0,76	0,78
<b>2- Cơ cấu nguồn vốn</b>			
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	0,59	0,60
- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	0,41	0,40
<b>3- Cơ cấu nợ</b>			
- Nợ ngắn hạn/Tổng nợ phải trả	%	0,33	0,48
- Nợ dài hạn/Tổng nợ phải trả	%	0,67	0,52
<b>4- Khả năng thanh toán</b>			
- Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1,69	1,67
- Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	1,23	0,78
- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	1,17	0,74
<b>5- Tỷ suất sinh lời</b>			
<b>1-Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu</b>			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	%	0,03	0,21
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	0,03	0,17

Dựa vào báo cáo tài chính và các chỉ tiêu tài chính trên có thể đưa ra đánh giá chung hoạt động tài chính của Công ty trong năm qua là khá tốt, đảm bảo khả năng hoạt động ổn định và phát triển trong thời gian tới.

3. Những tiến bộ công ty đã đạt được trong năm 2011

### 3.1 - Những sự kiện quan trọng

**3.1.1-**Dự án cao ốc Lữ Gia được khởi công vào ngày 19/05/2008 và đến nay tổng mức đầu tư vào khoản 500 tỷ đồng, dự kiến cuối tháng 3 năm 2011 bàn giao toàn bộ căn hộ cho khách hàng.

**3.1.2-**Sáng kiến cải tiến kỹ thuật dàn nâng hạ trụ chiếu sáng cao 40, 50m đạt kết quả tốt, đã sản xuất và lắp đặt cho cảng Cái Mép 07 trụ chiếu sáng dàn nâng hạ di động cao 50m, sản xuất và thi công 05 trụ điện điện lực đơn thân lắp đặt cho TPHCM và Cần Thơ. Ngoài ra Chủ đầu tư là công ty Tân Cảng đang thuê công ty Lữ Gia thay 02 dàn đèn nâng hạ di động trước đây công ty Tân Cảng đã hợp tác với đơn vị khác. Đây là thành công lớn của thương hiệu Lữ Gia.

### 3.2 Quản lý kỹ thuật và các hoạt động khác đáp ứng nhu cầu phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty:

Duy trì và cải tiến liên tục hệ thống QLCL ISO 9001: 2000, vào cuối năm 2009 đầu năm 2010 Công ty đã được tổ chức TUV RHEINLAND VIETNAM Co., Ltd tái đánh giá với kết quả hệ thống quản lý chất lượng của Công ty là phù hợp với Hệ thống quản lý chất lượng Quốc tế theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2008.

Với nhà máy mới và máy móc hiện đại được đầu tư, Công ty đã sản xuất, chế tạo thành công sản phẩm trụ điện lực cao 30m, thi công lắp dựng tại đầu đường cao tốc Sài Gòn – Trung Lương, sản xuất trụ chiếu sáng có dàn nâng hạ cao 50m thi công tại cảng Cái Mép, sân bay Tân Sơn Nhất. Dự kiến trong năm nay sẽ sản xuất 30 trụ điện lực và 60 trụ chiếu sáng cao trên 30m đáp ứng cho thị trường.

### 3.3 Một số công tác khác:

a) Chăm lo đời sống CBCNV:

Ban lãnh đạo Công ty đã tích cực tìm kiếm đơn hàng, các hợp đồng xây dựng, duy trì và mở rộng thị phần, do đó tình hình sản xuất của công ty được duy trì và phát triển, CB-CNV có việc làm ổn định, toàn thể CB-CNV Công ty an tâm tư tưởng đoàn kết cùng nhau phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ chính trị của đơn vị, đời sống vật chất và tinh thần từng bước được cải thiện, thu nhập ổn định tạo được sự an tâm phấn khởi tích cực sản xuất và công tác. Công ty đã tổ chức tốt Hội nghị CN lao động năm 2011, qua đó cùng nhau quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ SX-KD năm 2011, đồng thời bổ sung sửa đổi các điều khoản thoả ước LĐTT về phúc lợi tập thể: tăng phúc lợi cho người lao động và đã thực hiện ngay trong năm đã làm cho người lao động phấn khởi, an tâm trong lao động sản xuất.

+ Phụ cấp tiền ăn giữa ca cho Cb-CNV là: 20.000 đồng/ngày/người.

+ Chi tiền CB-CNV vào các dịp lễ 30/4, 02/9 và Tết Dương lịch mỗi dịp 300.000 đồng/người.

+ Năm 2011 Công ty đã tổ chức cho toàn thể CB-CNV đi tham quan nghỉ mát tại Mũi Né – Phan Thiết, thời gian là 02 ngày, chi phí do công ty chi trả.

1.1 Công tác xã hội:

Công ty CP Cơ khí – Điện Lữ Gia trong năm qua đã giúp đỡ đồng bào bị thiên tai lũ lụt, theo sự vận động của Liên Đoàn Lao Động TPHCM và các ban ngành liên quan.

1.2 Chấp hành chính sách, pháp luật, công tác ATLĐ & PCCN :

Luôn chấp hành tốt các quy định, chính sách và pháp luật của Nhà nước, trong hoạt động sản xuất kinh doanh không có xảy ra các vụ việc về tham nhũng, lãng phí, thất thoát tài sản. Thực hiện tốt Pháp lệnh PCCC trong năm qua Công ty đảm bảo tuyệt đối an toàn về PCCN. Chấp hành Luật lao động, Các chế độ BHXH, An toàn vệ sinh lao động được Công ty thực hiện đúng theo Qui định hiện hành của Nhà nước.

Công tác an toàn vệ sinh lao động được Công ty quan tâm, luôn tạo mọi điều kiện tốt nhất để môi trường làm việc của Công nhân được thông thoáng, đảm bảo tuyệt đối an toàn trong lao động sản xuất. Trang bị đầy đủ quần áo bảo hộ lao động, các trang thiết bị bảo hộ lao động khác cho công nhân theo đúng qui định. Công tác phòng cháy chữa cháy bảo đảm an toàn tuyệt đối, được kiểm tra đúng theo định kỳ, đảm bảo đầy đủ phương tiện theo yêu cầu của cơ quan PCCC. Tổ chức tốt việc khám sức khoẻ định kỳ cho toàn thể CB-CNV; Làm tốt công tác tuyên truyền, huấn luyện về công tác bảo hộ lao động cho CB-CNV.

#### **4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.**

Tiếp tục phát huy tối đa năng lực hiện có, mở rộng địa bàn thi công, nâng cao năng lực quản lý và chất lượng lao động.

Đẩy mạnh công tác tiếp thị tại khu vực kinh tế trọng điểm phía Nam và các tỉnh Miền Tây nhằm giới thiệu và tiêu thụ sản phẩm của công ty. Đồng thời tiến hành công tác khảo sát, tiếp thị ra thị trường các nước trong khu vực.

Hiện nay công ty đang đầu tư đồng thời cả hai dự án:

(1) Đầu tư khai thác nhà máy sản xuất trụ, cần, đèn chiếu sáng công cộng và trụ điện lực., có thể nói sản phẩm Trụ điện lực đang trong giai đoạn đầu thử nghiệm, trong tương lai sản phẩm trụ điện lực của công ty sẽ chiếm lĩnh rất cao trên thị trường và đó cũng là tiềm năng trong tương lai..

(2) Đầu tư, khai thác dự án cao ốc Lữ Gia Plaza, Quận 11, TPHCM. Dự án cao ốc Lữ Gia Plaza theo kế hoạch sẽ hoàn thành cuối quý 2 năm 2012, hiệu quả từ dự án cao ốc Lữ Gia Plaza này theo ước tính ban đầu sẽ mang lại lợi nhuận trước thuế tối thiểu 120 tỷ đồng.

## V. BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN

### 1. Đơn vị kiểm toán độc lập:

Công ty TNHH Kiểm Toán và Tư Vấn Tài Chính Quốc tế (IFC)

### 2. Ý kiến kiểm toán độc lập:

Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

## VI. CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN

### 1. Danh sách các Công ty nắm giữ quyền kiểm soát và cổ phần chi phối Công ty Cổ phần Cơ khí – Điện Lữ Gia

Không có

## VII. TỔ CHỨC NHÂN SỰ :

### 1. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

**Đại hội đồng cổ đông :** Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty. Đại hội đồng cổ đông có trách nhiệm thảo luận và phê chuẩn những chính sách dài hạn và ngắn hạn về phát triển của Công ty, quyết định về cơ cấu vốn, bầu ra bộ máy quản lý và điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

**Hội đồng quản trị:** Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị Công ty, bao gồm 05 thành viên, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông mà không được ủy quyền. Hội đồng quản trị có nhiệm vụ quyết định chiến lược phát triển Công ty; xây dựng các kế hoạch sản xuất kinh doanh; xây dựng cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý Công ty; đưa ra các biện pháp, các quyết định nhằm đạt được các mục tiêu do Đại hội đồng cổ đông đề ra.

**Ban kiểm soát:** Ban kiểm soát là cơ quan có nhiệm vụ giúp Đại hội đồng cổ đông giám sát, đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty một cách khách quan nhằm đảm bảo lợi ích cho các cổ đông.

**Ban Giám đốc:** Ban Giám đốc là Ban quản lý điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo chủ trương của Hội đồng quản trị và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đề ra và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về

toàn bộ việc tổ chức sản xuất kinh doanh, thực hiện các biện pháp nhằm đạt được các mục tiêu phát triển của Công ty.

**Các phòng ban trong Công ty:**

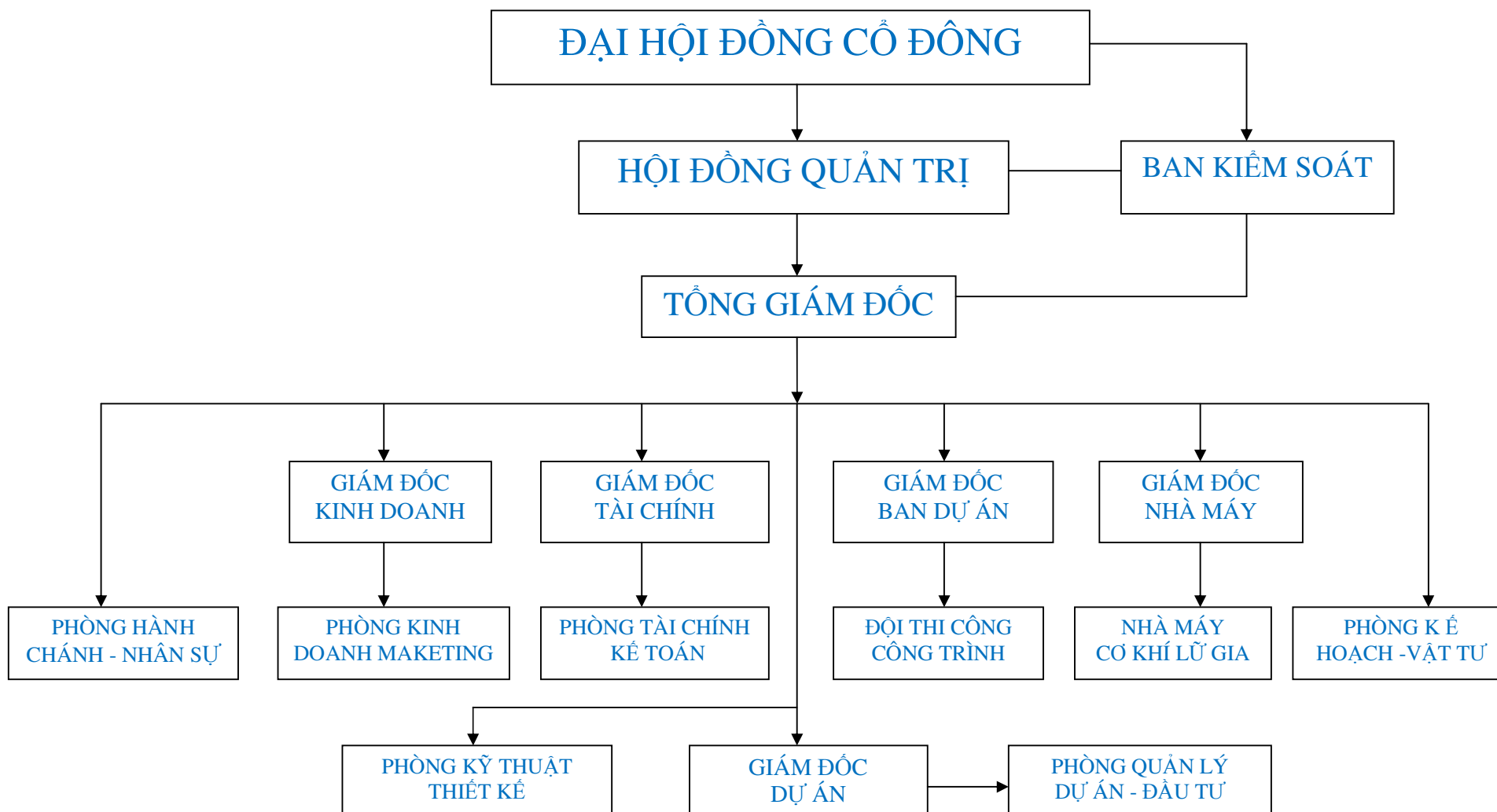
Các phòng ban của Công ty Cổ phần Cơ khí – Điện Lữ Gia:

- > Phòng Kinh doanh – Marketing;
- > Phòng Tài Chính Kế toán;
- > Phòng Hành Chính nhân sự;
- > Phòng Kế hoạch vật tư
- > Phòng Kỹ thuật thiết kế
- > Phòng Quản lý Dự án – Đầu tư
- > Ban dự án – thi công
- > Nhà máy Cơ Khí Điện Lữ Gia, trong đó bao gồm 5 tổ sản xuất sau:
  - ◆ Tổ bảo trì;
  - ◆ Tổ sản xuất 1;
  - ◆ Tổ sản xuất 2;
  - ◆ Tổ sản xuất 3;
  - ◆ Tổ sản xuất 4.

Các phòng ban thực hiện các công việc chức năng nhằm đảm bảo cho việc quản lý, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Giám đốc được hiệu quả và đúng pháp luật.

**Các tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, Công đoàn:** các tổ chức đoàn thể hoạt động theo quy định của pháp luật nhằm đảm bảo quyền lợi của toàn thể các cổ đông và người lao động được thực hiện theo đúng pháp luật.

• SƠ ĐỒ BỘ MÁY TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY



## 2. Số lượng cán bộ, nhân viên và Chế độ làm việc, chính sách đối với người lao động

### 2.1 –Số lượng cán bộ nhân viên

Tổng số lao động trong công ty tính đến 31/12/2011 là 130 người với cơ cấu như sau:

Tiêu chí	Số lượng	Tỷ lệ
<b>Phân theo đối tượng lao động</b>	<b>130</b>	<b>100%</b>
Lao động trực tiếp	78	60%
Lao động gián tiếp	52	40%
<b>Phân theo trình độ lao động</b>	<b>130</b>	<b>100%</b>
Trình độ đại học và trên đại học	28	21,5%
Trình độ trung cấp và cao đẳng	25	19,2%
Công nhân kỹ thuật	59	45,4%
Lao động phổ thông	18	13,8%

### 2.2 –Chế độ làm việc, chính sách đối với người lao động

#### a) Chế độ làm việc

Công ty thực hiện chế độ làm việc 08 giờ/ngày, 44giờ/tuần; khối gián tiếp làm việc theo giờ hành chính, khối trực tiếp sản xuất làm việc theo ca.

#### b) Chính sách lương

Căn cứ vào tình hình sản xuất kinh doanh và năng lực của người lao động, Công ty trả lương theo các hình thức lương thời gian, lương sản phẩm và lương khoán công việc, Công ty thực hiện phân phối lương theo lao động: Người làm công việc nào thì được trả lương theo công việc đó. Quỹ tiền lương được phân phối trực tiếp cho người lao động, không sử dụng vào mục đích khác. Trường hợp người lao động làm thêm giờ hoặc làm đêm, Công ty thực hiện việc chi trả lương ngoài giờ theo đúng quy định của Bộ luật Lao động đã ban hành.

#### c) Chính sách khen thưởng

Hàng năm, Hội đồng thi đua khen thưởng của Công ty họp xét phân loại A, B,C để làm căn cứ khen thưởng cho người lao động trong dịp tết nguyên đán, bình quân mỗi người 02 tháng lương. Bên cạnh đó, căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh, HĐQT công ty trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi để chi cho người lao động nhân dịp lễ lớn như 30/4, Quốc Khánh 2/9, Tết dương lịch 1/1; khen thưởng lao động tiên tiến, các cá nhân tập thể có sáng kiến làm lợi cho Công ty,.....

#### d) Chế độ phúc lợi

Bên cạnh các chính sách lương thưởng, Công ty cũng quan tâm đời sống tinh



thần của người lao động thông qua việc phối hợp với Công đoàn để tổ chức cho người lao động được đi nghỉ mát hàng năm. Năm 2011, Công ty đã tổ chức cho toàn thể cán bộ công nhân viên đi tham quan nghỉ mát tại Mũi Né – Phan Thiết. Thảo ước lao động tập thể đã được Công ty xây dựng và đăng ký với cơ quan quản lý lao động theo đúng quy định của Pháp luật. Các chế độ bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm y tế (BHYT) được Công ty thực hiện đầy đủ cho người lao động thuộc diện bắt buộc đóng BHXH, làm nghĩa vụ đóng BHXH đầy đủ và đúng hạn cho cơ quan BHXH Thành phố Hồ Chí Minh

#### e) Chính sách đào tạo

Công tác đào tạo nhằm nâng cao trình độ chuyên môn tay nghề cho cán bộ công nhân viên (CBCNV) được công ty quan tâm đúng mức. Các cán bộ, nhân viên chuyên môn nghiệp vụ được cử đi học các khóa huấn luyện ngắn hạn, dài hạn (học đại học) với kinh phí do Công ty đài thọ; tổ chức học và thi nâng bậc cho công nhân hàn tại đơn vị. Ngoài ra, các CBCNV có nhu cầu tự học tập sẽ được công ty hỗ trợ 50% kinh phí.

### 3. Những thay đổi trong bộ máy lãnh đạo Công ty năm 2011

- Hội đồng quản trị : Trong năm 2011 Ông Trần Quốc Toàn có đơn xin từ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Bà Tăng Thị Thu Lý được bầu bổ sung vào thành viên hội đồng quản trị thay Ông Trần Quốc Toàn.

- Ban giám đốc : Ông Nguyễn Văn Thành được bổ nhiệm Tổng Giám đốc thay Ông Cao Lương Ngọc- Thành viên HĐQT

- Kế toán trưởng : Không thay đổi

## VIII. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG/THÀNH VIÊN GÓP VỐN VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

### 1. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành

#### 1.1 -Hội đồng quản trị :

- |    |                         |                                  |
|----|-------------------------|----------------------------------|
| 1- | Ông Lê Quốc Bình        | - Chủ tịch Hội đồng quản trị     |
| 2- | Ông Cao Tấn Khương      | - Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị |
| 3- | Bà Nguyễn Thị Lan Hương | - Thành viên Hội đồng quản trị   |
| 4- | Bà Tăng Thị Thu Lý      | - Thành viên Hội đồng quản trị.  |
| 5- | Ông Cao Lương Ngọc      | - Thành viên Hội đồng quản trị   |

#### 1.2 -Ban Kiểm Soát :

- |    |                        |                            |
|----|------------------------|----------------------------|
| 1- | Ông Trần Ngọc Tiến     | - Trưởng Ban kiểm soát     |
| 2- | Bà Lê Thị Vân          | - Thành viên ban kiểm soát |
| 3- | Bà Dương Thị Long Nghi | - Thành viên ban kiểm soát |

#### 1.3 -Ban Giám đốc :

- |    |                      |                                 |
|----|----------------------|---------------------------------|
| 1- | Ông Nguyễn Văn Thành | - Tổng Giám đốc                 |
| 2- | Ông Cao Tấn Khương   | - Giám đốc Quản lý dự án-đầu tư |

- 3- Ông Nguyễn Văn Thông – Giám đốc tài chính
- 4- Nguyễn Chí Hiếu – Q.Giám đốc Ban dự án – Thi công
- 5- Nguyễn Thanh Bình – Giám đốc Nhà máy

**1.4- Kế toán trưởng :**

- 1- Ông Nguyễn Văn Thông - Kế toán trưởng

**\* Lý lịch tóm tắt của HĐQT, BKS và Ban Điều hành**

**1.1 - Hội đồng quản trị**

**1/ Ông Lê Quốc Bình – Chủ tịch Hội đồng quản trị**

- > Họ và tên : Lê Quốc Bình
  - > Giới tính : Nam
  - > CMND : 023833426
  - > Ngày tháng năm sinh : 25/02/1972
  - > Nơi sinh : Đà Nẵng
  - > Quốc tịch : Việt Nam
  - > Dân tộc : Kinh
  - > Quê quán : Quảng Bình
  - > Địa chỉ thường trú : 45 Trần Phú, Q.5, TP. HCM
  - > Số điện thoại liên lạc : 08. 914 1904
  - > Trình độ văn hoá : 12/12
  - > Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Kinh tế chuyên ngành Kế toán – Kiểm toán  
Bằng Kế toán trưởng do Bộ Tài chính cấp
  - > Quá trình công tác:
    - ◆ 1993 – 1997 : Cán bộ Phòng Kế toán Tổng Công ty Du lịch Thành Phố
    - ◆ 1997 – 2001 : Chuyên viên Quỹ Đầu tư Phát triển Đô thị TP. HCM
    - ◆ 2001 - nay : Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP. HCM
    - ◆ 2000 - 2009 : Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cơ khí - Điện Lữ Gia
    - ◆ 2010 – nay : Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cơ khí Điện Lữ Gia
  - > Chức vụ hiện nay tại Công ty Cổ phần Cơ khí – Điện Lữ Gia: Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị
  - > Số cổ phần nắm giữ & được ủy quyền: .1.869.403 cổ phần, trong đó :
    - ◆ Cá nhân : 0 cổ phần
    - ◆ Ủy quyền : 1.869.403 cổ phần
  - (do Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh ủy quyền)
  - > Số cổ phần của những người có liên quan: không
  - > Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: không
- 2/ Ông Cao Tấn Khương – Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị**
- > Họ và tên : Cao Tấn Khương
  - > Giới tính : Nam

- > CMND : 020148978
- > Ngày tháng năm sinh : 03/10/1941
- > Nơi sinh : Cà Mau
- > Quốc tịch : Kinh
- > Quê quán : Xã Viên An, Huyện Ngọc Hiển, Tỉnh Cà Mau
- > Địa chỉ thường trú : 699 Lê Hồng Phong, P.10, Q.10, TP. HCM
- > Số điện thoại liên lạc : 08.865 5918
- > Trình độ văn hoá : 10/10
- > Trình độ chuyên môn : Kỹ sư cơ khí chế tạo máy
- > Quá trình công tác:
  - ◆ 07/1953 – 11/1954 : Tham gia Cách mạng – đơn vị Bộ Tư Lệnh Miền Tây Nam Bộ
  - ◆ 11/1954 – 08/1960 : Đi tập kết ở Miền Bắc – Học sinh Miền Nam
  - ◆ 08/1960 – 08/1964 : Giáo viên Trung cấp kỹ thuật Vinh – Nghệ An
  - ◆ 08/1964 – 03/1969 : Sinh viên Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội
  - ◆ 03/1969 – 06/1972 : Tập trung tại Bắc Giang và đi thực tập tại Liên Xô – Làm trưởng đoàn – Bí Thư Chi Bộ
  - ◆ 06/1972 – 06/1974 : Cán bộ kỹ thuật Công ty Gang thép Thái Nguyên
  - ◆ 06/1974 – 05/1975 : Cán bộ kỹ thuật Bộ Cơ khí luyện kim ở Hà Nội
  - ◆ 05/1975 – 06/1977 : Vào tiếp quản – Cán bộ Trung tâm Tiêu chuẩn Đo Lường chất lượng Khu vực III
  - ◆ 06/1977 – 03/1983 : Phó Xưởng Cơ khí Lữ Gia
  - ◆ 04/1983 – 02/2000 : Giám đốc Xí nghiệp Cơ khí Lữ Gia và Công ty Cơ khí Lữ Gia
  - ◆ 03/2000 – 03/2004 : Chủ tịch HĐQT – Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí – Điện Lữ Gia
  - ◆ 04/2004 – 07/2007 : Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Cơ khí – Điện Lữ Gia
  - ◆ 07/2007 – 04/2010 : Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí – Điện Lữ Gia
  - ◆ 04/2010 – nay : Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc quản lý dự án-đầu tư
- > Chức vụ hiện nay tại Công ty Cổ phần Cơ khí – Điện Lữ Gia: Phó Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị kiêm Giám đốc Quản lý Dự án
- > Số cổ phần nắm giữ & được uỷ quyền: 137.190 cổ phần, trong đó:
  - ◆ Cá nhân : 137.190 cổ phần
  - ◆ Ủy quyền : không
- > Số cổ phần của những người có liên quan:
  - ◆ Vợ Đỗ Cẩm Hồng nắm giữ 2.525 cổ phần
  - ◆ Con Cao Lương Ngọc nắm giữ 88.200 cổ phần
  - ◆ Con Cao Tấn Kha nắm giữ 0 cổ phần.
- > Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: không

**3/ Bà Nguyễn Thị Lan Hương – Thành viên Hội đồng quản trị**

- > Họ và tên : Nguyễn Thị Lan Hương
- > Giới tính : Nữ
- > CMND : 022384311
- > Ngày tháng năm sinh : 11/08/1969
- > Nơi sinh : Thị Xã Hà Giang, Tỉnh Hà Giang
- > Quốc tịch : Việt Nam
- > Dân tộc : Kinh
- > Quê quán : Thị Xã Hà Giang, Tỉnh Hà Giang
- > Địa chỉ thường trú : 705 Lô G3 Chung Cư Hùng Vương, P11, Q5, TPHCM
- > Số điện thoại liên lạc : 3.9141904
- > Trình độ văn hoá : 12/12
- > Trình độ chuyên môn : Kỹ sư xây dựng, Cử nhân quản trị kinh doanh
- > Quá trình công tác:
  - ◆ 1987 – 1992 : Sinh viên Trường Đại học Bách Khoa Thành Phố Hồ Chí Minh
  - ◆ 1992– 1997 : Sinh Viên Tại Chức Trường Đại Học Thương Mại.
  - ◆ 1993 – 2006 : Chuyên viên Ban Quản lý Dự án Đầu Tư xây Dựng Công Trình Quận 5.
  - ◆ 2006 – nay : Phó Giám đốc đầu tư – Kinh doanh công ty Cổ Phần Đầu Tư Hạ Tầng Kỹ Thuật Thành Phố Hồ Chí Minh
- > Chức vụ hiện nay tại Công ty Cổ phần Cơ khí – Điện Lữ Gia: Thành viên Hội Đồng Quản Trị
- > Số cổ phần nắm giữ & được ủy quyền: 0 cổ phần, trong đó :
  - ◆ Cá nhân : không
  - ◆ Ủy quyền : không
- > Số cổ phần của những người có liên quan: không có
- > Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: không

**4/ Ông Cao Lương Ngọc – Thành viên Hội đồng quản trị**

- > Họ và tên : Cao Lương Ngọc
- > Giới tính : Nam
- > CMND : 022645386
- > Ngày tháng năm sinh : 13/10/1963
- > Nơi sinh : Quảng Ninh
- > Quốc tịch : Việt Nam
- > Dân tộc : Kinh
- > Quê quán : Xã Viên An, Huyện Ngọc Hiền, Tỉnh Cà Mau
- > Địa chỉ thường trú : 56B/66 Lạc Long Quân, P.3, Q.11, TP. HCM
- > Số điện thoại liên lạc : 08. 865 0167
- > Trình độ văn hoá : 12/12
- > Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế – Ngành Quản trị kinh doanh

Chứng chỉ Giám đốc điều hành do Viện NC – KT – PT  
(ĐHKT TP. HCM) cấp

- > Quá trình công tác:
- ◆ 1980 – 1981 : Công nhân Xí nghiệp Cơ khí Lữ Gia
- ◆ 1981 – 1987 : Đi hợp tác lao động tại Cộng Hòa nhân dân Bungari
- ◆ 1987 – 1997 : Công nhân Công ty Cơ khí Lữ Gia
- ◆ 1997 – 3/2000 : Phó phòng Kế hoạch – Kinh doanh Công ty Cơ khí Lữ Gia
- ◆ 4/2000 – 3/2002 : Trưởng phòng Kế hoạch – Kinh doanh Công ty Cổ Phần Cơ khí Điện Lữ Gia
- ◆ 4/2002 – 3/2004 : Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí – Điện Lữ Gia
- ◆ 4/2004 – 07/2007 : Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí – Điện Lữ Gia
- ◆ 07/2007 – 04/2010 : Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc kinh doanh Công ty Cổ phần Cơ khí – Điện Lữ Gia
- ◆ 04/2010 – 09/2011 : Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí – Điện Lữ Gia
- ◆ Từ 10/2011 – nay : Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cơ khí – Điện Lữ Gia
- > Số cổ phần nắm giữ & được ủy quyền: 88.200 cổ phần, trong đó :
  - ◆ Cá nhân : 88.200 cổ phần
  - ◆ Ủy quyền : không
- > Số cổ phần của những người có liên quan:
  - ◆ Cha Cao Tấn Khương nắm giữ 137.190 cổ phần
  - ◆ Vợ Lê Thị Bích Khuê nắm giữ 2.880 cổ phần
- > Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: không

***5/ Bà Tăng Thị Thu Lý – Thành viên Hội đồng quản trị***

- > Họ và tên : Tăng Thị Thu Lý
- > Giới tính : Nữ
- > CMND : 022770248
- > Ngày tháng năm sinh : 09/10/1968
- > Nơi sinh : Hà Nội
- > Quốc tịch : Việt Nam
- > Dân tộc : Kinh
- > Quê quán : Đà Nẵng
- > Địa chỉ thường trú : 91A Võ Văn Tần - Quận 3 - TPHCM
- > Số điện thoại liên lạc : 0903801832
- > Trình độ văn hoá : 12/12
- > Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
- > Quá trình công tác:

- ◆ 1997 – 1999 : Công tác tại liên doanh Isamco
- ◆ 1999 – 2003 : NV Xí nghiệp công nghiệp và dịch vụ ô tô thuộc Công ty Cơ khí ô tô Sài Gòn
- ◆ 2003 – 2006 : Phó phòng kinh doanh Cty Cơ khí Ô tô Sài Gòn
- ◆ 2006 – 2008 : Phó giám đốc Marketing Tổng Công ty Cơ khí GTVT Sài Gòn
- ◆ 2008 – nay : Giám đốc Marketing Tổng Cty Cơ khí GTVT Sài Gòn (Samco)
- > Chức vụ hiện nay tại Công ty Cổ phần Cơ khí – Điện Lữ Gia: Thành viên Hội Đồng Quản Trị
- > Số cổ phần nắm giữ & được ủy quyền: 0 cổ phần, trong đó :
  - ◆ Cá nhân : không
  - ◆ Ủy quyền : 1.677.000 cổ phần(vốn Nhà nước)
  - ◆ Số cổ phần của những người có liên quan: không có
- > Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: không

## **1.2 -Ban kiểm soát**

### ***1/ Ông Trần Ngọc Tiến – Trưởng ban kiểm soát***

- > Họ và tên : Trần Ngọc Tiến
- > Giới tính : Nam
- > CMND : 022317578
- > Ngày tháng năm sinh : 03/06/1971
- > Nơi sinh : Hà Nội
- > Quốc tịch : Việt Nam
- > Dân tộc : Kinh
- > Quê quán : Tiền Giang
- > Địa chỉ thường trú : 95/32 Bắc Hải, P.15, Q.10, TP. HCM
- > Số điện thoại liên lạc : 08.864 1790
- > Trình độ văn hoá : 12/12
- > Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế - Ngành Quản trị Kinh doanh  
Cử nhân ngoại ngữ (Ngữ văn Anh)
- > Quá trình công tác:
  - ◆ 1995 – 2000 : Chuyên viên Cục Quản lý vốn và TSNN tại DN
  - ◆ 2000 – 2004 : Chuyên viên - Chi cục Tài chính Doanh Nghiệp.
  - ◆ 2004 – 4/2008 : Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cơ khí – Điện Lữ Gia.
- > Chức vụ hiện nay tại Công ty Cổ phần Cơ khí – Điện Lữ Gia: Trưởng ban Kiểm soát.
- > Số cổ phần nắm giữ & được ủy quyền: 30.930 cổ phần, trong đó :
  - ◆ Cá nhân : 30.930 cổ phần
  - ◆ Ủy quyền : không
- > Số cổ phần của những người có liên quan: không
- > Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: không

**2/ Bà Lê Thị Vân – Thành viên Ban kiểm soát**

- > Họ và tên : Lê Thị Vân
- > Giới tính : Nữ
- > CMND : 020745226
- > Ngày tháng năm sinh : 07/04/1957
- > Nơi sinh : Đà Lạt
- > Quốc tịch : Việt Nam
- > Dân tộc : Kinh
- > Quê quán : Quảng Ngãi
- > Địa chỉ thường trú : 41B Khu biệt thự Chu Văn An, P.26, Q.Bình Thạnh, TP. HCM
- > Số điện thoại liên lạc : 08.821 2786
- > Trình độ văn hoá : 12/12
- > Trình độ chuyên môn : Cử nhân Tài chính Kế toán
- > Quá trình công tác:
  - ◆ 1980 – 1990 : Nhân viên Kế toán Công ty Thủy sản Xuất khẩu TP
  - ◆ 1991 – 2000 : Kế toán trưởng Khách sạn Bông Hồng thuộc LLTNXP
  - ◆ 2001 – nay : Kiểm soát viên Quỹ Đầu tư phát triển đô thị TP. HCM
- > Chức vụ hiện nay tại Công ty Cổ phần Cơ khí – Điện Lữ Gia: Thành viên Ban kiểm soát.
- > Số cổ phần nắm giữ & được ủy quyền: 40.007 cổ phần, trong đó :
  - ◆ Cá nhân : 40.007 cổ phần
  - ◆ Ủy quyền : không
- > Số cổ phần của những người có liên quan: không
- > Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: không

**3/ Bà Dương Thị Long Nghi – Thành viên Ban kiểm soát**

- > Họ và tên : Dương Thị Long Nghi
- > Giới tính : Nữ
- > CMND : 022772262
- > Ngày tháng năm sinh : 26/08/1975
- > Nơi sinh : TP.HCM
- > Quốc tịch : Việt Nam
- > Dân tộc : Kinh
- > Quê quán : Gò Công, Tiền Giang
- > Địa chỉ thường trú : 231 Võ Văn Tần, P5, Q3, TP. HCM
- > Số điện thoại liên lạc : 08.39141904
- > Trình độ văn hoá : 12/12
- > Trình độ chuyên môn : Cao đẳng kế toán (Cao đẳng Kinh tế đối ngoại)
- > Quá trình công tác:

- ◆ 1997 – 2002 : Nhân viên Quỹ Đầu Tư Phát Triển Đô Thị TP.HCM
- ◆ 2002 – nay : Nhân viên công ty Cổ Phần Đầu Tư Hạ Tầng Kỹ Thuật TP. HCM
- > Chức vụ hiện nay tại Công ty Cổ phần Cơ khí – Điện Lữ Gia: Thành viên Ban kiểm soát.
- > Số cổ phần nắm giữ & được ủy quyền: 0 cổ phần, trong đó :
  - ◆ Cá nhân : 0 cổ phần
  - ◆ Ủy quyền : 0 cổ phần
- > Số cổ phần của những người có liên quan: không
- > Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: không

**1.3 -Ban Giám đốc và Kế toán trưởng:**

***1/ Ông Cao Lương Ngọc – Tổng Giám đốc điều hành đến ngày 30/09/2011)***

(Sơ yếu lý lịch được trình bày ở phần 1.1-5).

***2/ Ông Nguyễn Văn Thành - Tổng giám đốc điều hành từ ngày 01/10/2011***

- > Họ và tên : Nguyễn Văn Thành
- > Giới tính : Nam
- > CMND : 023724594
- > Ngày tháng năm sinh : 09/06/1965
- > Nơi sinh : Thái Bình
- > Quốc tịch : Việt Nam
- > Dân tộc : Kinh
- > Quê quán : Thái Bình
- > Địa chỉ thường trú : 818/56B Lê Lợi , P3, Quận Gò Vấp, TP. HCM
- > Số điện thoại liên lạc : 08.38688239
- > Trình độ văn hoá : 12/12
- > Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
- > Quá trình công tác:
  - ◆ 1990 – 2002 : Cán bộ quản lý xưởng chế biến gỗ Công ty Sapsimex
  - ◆ 2002 – 2009 : Phó giám đốc Xí nghiệp Dịch vụ Thu phí - Công ty Cổ Phần Đầu Tư Hạ Tầng Kỹ Thuật TP. HCM
  - ◆ 2009 - 2010 : Giám đốc Công ty Cổ phần đầu tư Đồng Thuận
  - ◆ 2010 – 2011 : Trưởng ban quản lý dự án – Công ty Cổ phần đầu tư hạ tầng kỹ thuật TP.Hồ Chí Minh
- ◆ Từ 01/10/2011 đến nay : Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí Điện Lữ Gia
- > Số cổ phần nắm giữ & được ủy quyền: 0 cổ phần, trong đó :
  - ◆ Cá nhân : 0 cổ phần
  - ◆ Ủy quyền : 0 cổ phần
- > Số cổ phần của những người có liên quan: không
- > Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: không

***3/ Ông Cao Tấn Khương – Giám đốc Quản lý dự án*** (Sơ yếu lý lịch P.Chủ tịch HĐQT được trình



bày ở phần 1.1-2).

**4/ Ông Nguyễn Văn Thông – Giám đốc Tài Chính kiêm Kế toán trưởng**

- > Họ và tên : Nguyễn Văn Thông
- > Giới tính : Nam
- > CMND : 025293963
- > Ngày tháng năm sinh : 24/05/1974
- > Nơi sinh : Tiền Giang
- > Quốc tịch : Việt Nam
- > Dân tộc : Kinh
- > Quê quán : Tiền Giang
- > Địa chỉ thường trú : 23/16/12 đường 16, P.4, Q.8, TP.HCM
- > Số điện thoại liên lạc : 08.38688239
- > Trình độ văn hoá : 12/12
- > Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Kế toán-Kiểm toán  
 Bằng Kế toán trưởng do Bộ Tài chính cấp  
 Bằng Giám đốc Tài chính do Trường ĐH Kinh tế TP.HCM cấp
- > Quá trình công tác:
  - ◆ 1996 – 2000 : Nhân viên phòng Kế hoạch kinh doanh Công ty Vật Tư Thủy Sản -Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam(Seaprodex)
  - ◆ 2000 – 2005 : Phó trưởng phòng Tài chính kế toán Công ty xe đạp xe máy Sài Gòn-Sở Công nghiệp TP.HCM
  - ◆ 2005 – 2008 : Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Cơ khí – Điện Lữ Gia
  - ◆ 2009 - nay : Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Cơ khí – Điện Lữ Gia
- > Chức vụ hiện nay tại Công ty Cổ phần Cơ khí – Điện Lữ Gia : Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng
- > Số cổ phần nắm giữ & được ủy quyền : không
- > Số cổ phần của những người có liên quan: không
- > Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: không

**5/ Ông Nguyễn Chí Hiếu – Q.Giám đốc Ban dự án**

- > Họ và tên : Nguyễn Chí Hiếu
- > Giới tính : Nam
- > CMND : 024950850
- > Ngày tháng năm sinh : 26/11/1976
- > Nơi sinh : An Giang
- > Quốc tịch : Việt Nam
- > Dân tộc : Kinh
- > Quê quán : An Giang
- > Địa chỉ thường trú : 84/13 Khu phố 9, Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức, TP. HCM

- > Số điện thoại liên lạc : 08.38688239
- > Trình độ văn hoá : 12/12
- > Trình độ chuyên môn : Kỹ sư điện
- > Quá trình công tác:
  - ◆ 2002 – 2007 : Nhân viên kỹ thuật, Phó trưởng phòng thiết kế của Công ty Cổ phần Xây lắp điện – Công ty Điện Lực 2
  - ◆ 2007 – 2008 : Chuyên viên Ban quản lý dự án Điện lực Miền Nam - Tổng Công ty Điện Lực Miền Nam
  - ◆ 2008 - 2009 : Trưởng phòng kỹ thuật Công ty TNHH Cơ khí Điện Lữ Gia
  - ◆ 2009 – 2011 : Trợ lý Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí Điện Lữ Gia
  - ◆ Từ 03/2011 - nay : Q.Giám đốc Ban dự án Công ty Cổ phần Cơ khí Điện Lữ Gia
- > Số cổ phần nắm giữ & được ủy quyền: 10.000 cổ phần, trong đó :
  - ◆ Cá nhân : 10.000 cổ phần
  - ◆ Ủy quyền : 0 cổ phần
- > Số cổ phần của những người có liên quan: không
- > Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: không

**6/ Ông Nguyễn Thanh Bình - Giám đốc Nhà máy**

- > Họ và tên : Nguyễn Thanh Bình
- > CMND : 290681426
- > Ngày tháng năm sinh : 10/04/1968
- > Nơi sinh : Hà Tây
- > Quốc tịch : Việt Nam
- > Dân tộc : Kinh
- > Quê quán : Bình Định
- > Địa chỉ thường trú : 151/15/6 đường Liên khu IV-V, Bình Hưng Hòa B, Bình Tân, TP. HCM

- > Số điện thoại liên lạc : 0902628298
- > Trình độ văn hoá : 12/12
- > Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Cơ Khí
- > Quá trình công tác:
  - ◆ 1993 – 1996 : Cán bộ kỹ thuật Công ty Cao su Thống Nhất (Ruthimex),
  - ◆ 1997 – 1999 : Cán bộ Kỹ Thuật Công ty Cơ khí Dân dụng (Codaco), TP. HCM
  - ◆ 2000 - 2004 : Trưởng phòng Kỹ Thuật - Chất lượng Công ty Bao bì

**Tây Ninh**

- ◆ 2005 – 2008 : Nhân viên, Phó phòng Kỹ thuật Công ty Cổ phần Cơ khí - Điện Lữ Gia.
- ◆ 2008 – 2009 : Phó Giám đốc Nhà máy Cơ khí - Điện Lữ Gia.
- ◆ Từ 21/10/2009 đến nay : Giám đốc Nhà máy Cơ khí - Điện Lữ Gia
- > Số cổ phần nắm giữ & được ủy quyền: 0 cổ phần, trong đó :

- ◆ Cá nhân : 0 cổ phần
- ◆ Ủy quyền : 0 cổ phần
- > Số cổ phần của những người có liên quan: không
- > Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: không

**2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông/ thành viên góp vốn**

**2.1 - Cổ đông trong nước**

**a. Cơ cấu cổ đông của công ty ( tính đến tại thời điểm 10/02/2012)**

STT	Nội dung	SL cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu trong Công ty
<b>I</b>	<b>Cá nhân</b>	<b>1.616.111</b>	<b>13,16%</b>
1	Đã lưu ký	1.088.536	13,14%
2	Chưa lưu ký	1.480	0,02%
<b>II</b>	<b>Tổ chức</b>	<b>6.148.005</b>	<b>74,22%</b>
1	Đã lưu ký	6.148.005	82,86%
2	Chưa lưu ký	0	0%
	<b>Tổng cộng</b>	<b>7.764.116</b>	<b>96,02%</b>

**b. Thông tin chi tiết về các cổ đông lớn :**

Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty (tính đến thời điểm 10/02/2012)

Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ/ Vốn cổ phần
Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn (Samco)	262-264 Trần Hưng Đạo, Q.1, TP.HCM	1.677.000	16.770.000.000	20,24%
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (CII)	50 Tôn Thất Đạm, P. Nguyễn Thái Bình, Q1, TP.HCM	2.069.403	20.694.030.000	24,98%
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư và Xây Dựng Cầu Đường Bình Triệu	50 Tôn Thất Đạm, P. Nguyễn Thái Bình, Q1, TP.HCM	1.871.620	18.716.200.000	22,60%
<b>Tổng cộng</b>		<b>5.618.023</b>	<b>56.180.230.000</b>	<b>67,82%</b>

**2.2 - Cổ đông nước ngoài :**

- Cơ cấu cổ đông :

STT	Nội dung	SL cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu trong Công ty
-----	----------	--------------------	----------------------------

<b>I</b>	<b>Cá nhân</b>	<b>31.650</b>	<b>0,38%</b>
1	Đã lưu ký	31.650	0,38%
2	Chưa lưu ký	0	0%
<b>II</b>	<b>Tổ chức</b>	<b>297.890</b>	<b>3,60%</b>
1	Đã lưu ký	297.890	3,60%
2	Chưa lưu ký	0	0%
	<b>Tổng cộng</b>	<b>329.540</b>	<b>3,98%</b>

Dữ liệu thống kê về các cổ đông trên đây được cập nhật theo danh sách người sở hữu chứng khoán đến ngày 10/02/2012 do trung tâm lưu ký chứng khoán cung cấp.

CÔNG TY CP CƠ KHÍ ĐIỆN LỮ GIA  
TỔNG GIÁM ĐỐC

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỮ GIA**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011**



MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 23

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí Điện Lữ Gia (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Ông Lê Quốc Bình	Chủ tịch
Ông Cao Tấn Khương	Phó Chủ tịch
Bà Tăng Thị Thu Lý	Thành viên (bổ nhiệm ngày 26 tháng 3 năm 2011)
Bà Nguyễn Thị Lan Hương	Thành viên
Ông Cao Lương Ngọc	Thành viên
Ông Trần Quốc Toàn	Thành viên (miễn nhiệm ngày 26 tháng 3 năm 2011)

#### Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Thành	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 1 tháng 10 năm 2011)
Ông Cao Lương Ngọc	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 1 tháng 10 năm 2011)
Ông Cao Tấn Khương	Giám đốc Phòng Quản lý dự án đầu tư
Ông Nguyễn Văn Thông	Giám đốc tài chính
Ông Nguyễn Thanh Bình	Giám đốc nhà máy
Ông Nguyễn Chí Hiếu	Q. Giám đốc Ban dự án

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC


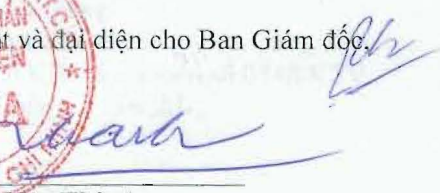
Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong các báo cáo tài chính hay không;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc.

  
  
Nguyễn Văn Thành  
Tổng Giám đốc  
Ngày 16 tháng 2 năm 2012



# CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ

## International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ : Phòng 3203, Tầng 32, Nhà 34T, KĐT Trung Hòa - Nhân Chính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Address: Room 3203, 32<sup>th</sup> Floor, 34T Building, Trung Hoa - Nhan Chinh, Cau Giay District, Hanoi, Vietnam.

Tel: +84.4 222 12 891 Fax: +84.4 222 12 892 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số: 2613/2012/BCKT-IFC

### BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011  
của Công ty Cổ phần Cơ khí Điện Lữ Gia

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Cơ khí Điện Lữ Gia**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Cơ khí Điện Lữ Gia (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 16 tháng 2 năm 2012 từ trang 4 đến trang 23 kèm theo. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

#### Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 2, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến kiểm toán về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

#### Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

#### Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.



**Khúc Đình Dũng**  
**Tổng Giám đốc**

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0748/KTV  
Ngày 16 tháng 2 năm 2012

**Phạm Tiến Dũng**  
**Kiểm toán viên**

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0747/KTV



3-C  
TY  
ƯU  
H  
N  
V  
CHÍ  
Ê  
P



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011**

MÃ SỐ B 01-DN  
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>92.967.799.840</b>	<b>87.227.108.179</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>2.215.069.338</b>	<b>3.849.615.494</b>
1. Tiền	111		2.215.069.338	1.149.615.494
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	2.700.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>21.123.941.771</b>	<b>42.508.817.477</b>
1. Phải thu khách hàng	131		15.959.862.025	19.813.913.449
2. Trả trước cho người bán	132		6.329.543.953	23.320.507.872
5. Các khoản phải thu khác	135	5.2	1.474.675.482	227.441.014
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(2.640.139.689)	(853.044.858)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.3</b>	<b>64.836.986.239</b>	<b>37.042.997.136</b>
1. Hàng tồn kho	141		64.931.858.006	37.137.868.903
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(94.871.767)	(94.871.767)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>4.791.802.492</b>	<b>3.825.678.072</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		10.140.000	43.337.356
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.952.771.047	2.408.088.793
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.4	1.828.891.445	1.374.251.923
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>298.723.219.040</b>	<b>300.765.781.750</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>218.316.201.790</b>	<b>292.879.087.900</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.5	72.939.624.211	70.378.736.027
- Nguyên giá	222		89.237.802.272	81.810.045.670
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(16.298.178.061)	(11.431.309.643)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.6	7.661.346.874	7.853.384.938
- Nguyên giá	228		8.126.674.450	8.126.674.450
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(465.327.576)	(273.289.512)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.7	137.715.230.705	214.646.966.935
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	<b>5.8</b>	<b>79.982.241.809</b>	-
- Nguyên giá	241		80.300.312.065	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(318.070.256)	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	<b>5.009.400.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	5.9	-	5.000.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	9.400.000
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>424.775.441</b>	<b>2.877.293.850</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.10	424.775.441	2.877.293.850
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>391.691.018.880</b>	<b>387.992.889.929</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 01-DN  
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>231.915.086.055</b>	<b>232.863.066.440</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>75.639.369.079</b>	<b>94.258.654.340</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.11	40.540.696.934	32.681.142.401
2. Phải trả người bán	312		12.958.848.653	18.134.417.199
3. Người mua trả tiền trước	313		10.054.532.206	11.313.481.191
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.12	3.768.281.869	7.877.243.508
5. Phải trả người lao động	315		1.917.599.005	1.632.184.000
6. Chi phí phải trả	316		581.505.441	545.770.850
9. Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.13	2.925.441.329	19.006.626.820
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.892.463.642	3.067.788.371
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>156.275.716.976</b>	<b>138.604.412.100</b>
3. Phải trả dài hạn khác	333	5.14	41.475.836.017	42.882.216.017
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.15	114.686.000.357	95.704.171.527
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		113.880.602	18.024.556
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>159.775.932.825</b>	<b>155.129.823.489</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.16</b>	<b>159.775.932.825</b>	<b>155.129.823.489</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		82.835.610.000	82.835.610.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		53.407.837.000	53.407.837.000
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(140.603.351)	110.820.300
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		3.559.991.134	3.293.820.863
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		624.928.244	624.928.244
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		19.488.169.798	14.856.807.082
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>391.691.018.880</b>	<b>387.992.889.929</b>



Nguyễn Văn Thành  
Tổng Giám đốc  
Ngày 16 tháng 2 năm 2012

Nguyễn Văn Thông  
Kế toán trưởng

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 02-DN  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
<b>1. Doanh thu</b>	<b>01</b>	<b>6.1</b>	<b>181.642.728.264</b>	<b>219.537.158.090</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.1	1.693.195.943	1.166.521.297
<b>3. Doanh thu thuần</b>	<b>10</b>	<b>6.1</b>	<b>179.949.532.321</b>	<b>218.370.636.793</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	153.908.440.463	157.177.033.871
<b>5. Lợi nhuận gộp</b>	<b>20</b>		<b>26.041.091.858</b>	<b>61.193.602.922</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	602.151.559	202.123.374
7. Chi phí tài chính	22	6.4	3.395.923.799	4.436.101.212
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>3.244.033.213</i>	<i>3.981.466.662</i>
8. Chi phí bán hàng	24		5.586.218.064	4.481.638.091
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		8.502.280.429	6.172.373.875
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>9.158.821.125</b>	<b>46.305.613.118</b>
11. Thu nhập khác	31		341.818.182	207.138.507
12. Chi phí khác	32		3.990.679.038	-
<b>13. (Lỗ)/lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(3.648.860.856)</b>	<b>207.138.507</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>5.509.960.269</b>	<b>46.512.751.625</b>
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	6.5	186.554.849	8.981.169.418
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>5.323.405.420</b>	<b>37.531.582.207</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.6	643	3.253



*Nguyễn Văn Thành*  
Nguyễn Văn Thành  
Tổng Giám đốc  
Ngày 16 tháng 2 năm 2012

*Nguyễn Văn Thông*  
Nguyễn Văn Thông  
Kế toán trưởng


**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp trực tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 03-DN  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2011	Năm 2010
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	226.688.938.257	249.638.137.816
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(148.237.174.137)	(139.066.940.484)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(9.039.101.969)	(10.470.176.491)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(2.905.983.763)	(3.572.709.373)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(4.140.336.191)	(3.302.337.744)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	5.104.949.410	79.409.097.111
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(61.745.753.843)	(108.108.269.139)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>5.725.537.764</b>	<b>64.526.801.696</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(21.058.541.217)	(16.404.145.158)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	9.400.000	2.900.000.000
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	128.516.973	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	360.000.000	291.000.000
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(20.560.624.244)</b>	<b>(13.213.145.158)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	106.405.105.751	1.000.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(79.951.804.287)	(47.008.861.489)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(13.253.697.600)	(6.626.848.800)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>13.199.603.864</b>	<b>(52.635.710.289)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>(1.635.482.616)</b>	<b>(1.322.053.751)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	3.849.615.494	5.171.669.245
Ảnh hưởng của thay đổi tỉ giá hối đoái	61	936.460	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	2.215.069.338	3.849.615.494



Nguyễn Văn Thành  
Tổng Giám đốc  
Ngày 16 tháng 2 năm 2011

  
Nguyễn Văn Thông  
Kế toán trưởng

## 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cơ khí Điện Lữ Gia (gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được chuyển đổi từ Công ty Cơ khí Lữ Gia, một doanh nghiệp nhà nước được thành lập năm 1978 theo Quyết định số 8032/QĐ-UB-KT ngày 28 tháng 12 năm 1999 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 08 tháng 03 năm 2000 và các lần sửa đổi.

Vốn điều lệ của Công ty là 82.835.610.000 đồng. Tổng số cổ phần là 8.283.561 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

Trụ sở chính của Công ty tại 70 Lữ Gia, phường 15, quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

### Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm: lắp đặt hệ thống điện; sản xuất thiết bị điện khác; hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; sản xuất các cấu kiện kim loại; bán buôn chuyên doanh khác; hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác; bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh; giáo dục nghề nghiệp; xây dựng công trình công ích; bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; sửa chữa thiết bị điện; sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại; lắp đặt hệ thống xây dựng khác; vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; các dịch vụ tăng cường sức khỏe...

## 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

### Cơ sở lập báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại Việt Nam. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

## 3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày các báo cáo tài chính.

Các báo cáo tài chính được lập theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính.

Ngày 31 tháng 12 năm 2009, Bộ tài chính đã ban hành Thông tư số 244/2009/TT-BTC về hướng dẫn sửa đổi bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp có hiệu lực áp dụng từ ngày 15 tháng 2 năm 2010. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Công ty đã thực hiện phân loại một số chỉ tiêu phù hợp theo hướng dẫn sửa đổi bổ sung của Bộ tài chính trong Thông tư này.

#### 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính:

##### Ước tính kế toán

Việc lập các báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập các báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

##### Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

##### Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

##### Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị của hàng tồn kho xuất dùng được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

##### Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc và thiết bị	5 - 20
Thiết bị văn phòng	3 - 8
Phương tiện vận tải	5 - 10

3-C  
FY  
ĐUH  
V V  
CHÍ  
Ê  
P.

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Các khoản trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí môi giới và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Chi phí môi giới bao gồm các chi phí môi giới căn hộ phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh căn hộ, chi phí này được phân bổ theo tỷ lệ doanh thu đã thực hiện trên tổng số doanh thu kế hoạch.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

*Doanh thu căn hộ*

Đối với các căn hộ được bán trước khi việc xây dựng hoàn tất mà theo đó Công ty có nghĩa vụ xây dựng và hoàn tất dự án căn hộ và người mua thanh toán tiền theo tiến độ xây dựng và chấp nhận các lợi ích và rủi ro từ những biến động trên thị trường, doanh thu và giá vốn liên quan được ghi nhận theo tỉ lệ hoàn thành của công việc xây dựng tại ngày kết thúc năm tài chính.

*Doanh thu xây dựng*

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng. Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy và được xác định bởi khách hàng, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Các khoản tăng (giảm) khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản khác chỉ được hạch toán vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

*Tiền lãi*

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này và được xử lý như sau:

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.
- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải thu dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.
- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khoản lỗ chênh lệch tỷ giá còn lại chưa ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh được phân bổ vào chi phí tối đa không quá 5 năm.

Hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC như trên có khác biệt so với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo VAS 10, tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh. Ban Giám đốc Công ty quyết định áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC và tin tưởng việc áp dụng đó cùng với việc đồng thời công bố đầy đủ thông tin về sự khác biệt trong trường hợp áp dụng theo hướng dẫn theo VAS 10 sẽ cung cấp đầy đủ hơn các thông tin cho người sử dụng báo cáo tài chính. Theo đó, việc áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC làm lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 tăng 140.603.351 đồng (năm 2010: giảm 110.820.300 đồng) và khoản mục “chênh lệch tỷ giá hối đoái” được phản ánh trong mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 sẽ giảm một khoản tương ứng so với áp dụng theo VAS 10.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.





## Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỉ lệ 25% tính trên thu nhập chịu thuế. Đối với khoản doanh thu bán căn hộ hình thành trong tương lai, trong năm 2010 Công ty xác định thu nhập chịu thuế bằng doanh thu bán căn hộ trừ chi phí liên quan và áp dụng thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế này.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

TRÁ  
KI  
TƯ  
HOÀ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính kèm theo

## 5. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

### 5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tiền mặt	71.789.477	13.211.066
Tiền gửi ngân hàng	2.143.279.861	1.136.404.428
Các khoản tương đương tiền	-	2.700.000.000
<b>Cộng</b>	<b>2.215.069.338</b>	<b>3.849.615.494</b>

### 5.2 Các khoản phải thu khác

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tài sản thiếu chờ xử lý	107.181.226	-
Lệ phí tòa án	12.017.526	24.917.526
Tiền đặt cọc thuê văn phòng tại quận 11, TP.HCM	60.000.000	60.000.000
Tiền lãi hợp tác kinh doanh	90.000.000	90.000.000
Khoản phải thu nhận bàn giao từ Công ty TNHH MTV Cơ khí điện Lữ Gia	1.113.753.025	-
Phải thu khác	91.723.705	52.523.488
<b>Cộng</b>	<b>1.474.675.482</b>	<b>227.441.014</b>

### 5.3 Hàng tồn kho

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.839.730.700	3.467.626.129
Công cụ, dụng cụ	86.290.721	52.286.807
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	58.134.128.379	27.922.614.611
Thành phẩm	4.504.795.479	5.490.171.853
Hàng hóa	366.912.727	205.169.503
<b>Cộng</b>	<b>64.931.858.006</b>	<b>37.137.868.903</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(94.871.767)	(94.871.767)
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho</b>	<b>64.836.986.239</b>	<b>37.042.997.136</b>

### 5.4 Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	2.000.000	4.305.600
Tạm ứng cho nhân viên	1.826.891.445	1.369.946.323
<b>Cộng</b>	<b>1.828.891.445</b>	<b>1.374.251.923</b>

117  
CÔ  
CH  
Ề  
M  
V  
Á  
N  
Q  
U  
/G

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính kèm theo

### 5.5 Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 01/01/2011	33.594.840.078	41.752.741.488	5.796.547.491	665.916.613	81.810.045.670
Mua mới trong năm	-	-	-	79.901.364	79.901.364
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	5.530.732.615	1.975.342.636	-	-	7.506.075.251
Nhận bàn giao từ Công ty TNHH MTV Cơ khí điện Lữ Gia	-	-	359.800.000	38.627.182	398.427.182
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(556.647.195)	-	(556.647.195)
Tại ngày 31/12/2011	39.125.572.693	43.728.084.124	5.599.700.296	784.445.159	89.237.802.272
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 01/01/2011	1.374.322.050	7.524.365.571	2.067.276.348	465.345.674	11.431.309.643
Khấu hao trong năm	688.722.352	3.826.788.971	572.880.295	61.587.960	5.149.979.578
Nhận bàn giao từ Công ty TNHH MTV Cơ khí điện Lữ Gia	-	-	243.599.986	29.936.049	273.536.035
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(556.647.195)	-	(556.647.195)
Tại ngày 31/12/2011	2.063.044.402	11.351.154.542	2.327.109.434	556.869.683	16.298.178.061
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 01/01/2011	32.220.518.028	34.228.375.917	3.729.271.143	200.570.939	70.378.736.027
Tại ngày 31/12/2011	37.062.528.291	32.376.929.582	3.272.590.862	227.575.476	72.939.624.211

Như trình bày tại Thuyết minh 5.11 và 5.15, Công ty đã thế chấp nhà xưởng, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 3.250.965.429 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010: 2.581.087.434 đồng).

### 5.6 Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính VND	Quyền sử dụng đất VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Tại ngày 01/01/2011	95.000.000	8.031.674.450	8.126.674.450
Tại ngày 31/12/2011	95.000.000	8.031.674.450	8.126.674.450
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Tại ngày 01/01/2011	7.250.004	266.039.508	273.289.512
Khấu hao trong năm	9.500.004	182.538.060	192.038.064
Tại ngày 31/12/2011	16.750.008	448.577.568	465.327.576
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày 01/01/2011	87.749.996	7.765.634.942	7.853.384.938
Tại ngày 31/12/2011	78.249.992	7.583.096.882	7.661.346.874

Như trình bày tại Thuyết minh số 5.15, Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất Dự án nhà máy cơ khí tại khu công nghiệp Nhơn Trạch để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính kèm theo

#### 5.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Số dư chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị xây dựng dở dang của phần văn phòng và các hạng mục liên quan chưa hoàn thành của Dự án cao ốc phức hợp tại địa chỉ 70 Lữ Gia, phường 15, quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

#### 5.8 Bất động sản đầu tư

	Nhà cửa vật kiến trúc VND
<b>Nguyên giá</b>	
Tại ngày 01/01/2011	-
Kết chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	80.300.312.065
Tại ngày 31/12/2011	<u>80.300.312.065</u>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Tại ngày 01/01/2011	-
Khấu hao trong năm	318.070.256
Tại ngày 31/12/2011	<u>318.070.256</u>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Tại ngày 01/01/2011	<u>-</u>
Tại ngày 31/12/2011	<u><u>79.982.241.809</u></u>

#### 5.9 Các khoản đầu tư vào Công ty con

Đến ngày 30 tháng 3 năm 2011, Công ty con của Công ty là Công ty TNHH Một Thành Viên Cơ khí điện Lữ Gia đã hoàn tất thủ tục giải thể.

#### 5.10 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Chi phí môi giới chờ phân bổ	-	2.586.352.455
Chi phí trả trước dài hạn khác	424.775.441	290.941.395
<b>Cộng</b>	<u><u>424.775.441</u></u>	<u><u>2.877.293.850</u></u>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính kèm theo

## 5.11 Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
<i>Vay ngắn hạn</i>		
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bến Thành	9.917.104.334	-
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>		
Ngân hàng Phát triển nhà Đồng Bằng Sông Cửu Long - Chi nhánh Chợ Lớn	5.454.544.000	5.454.544.000
Ngân hàng Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - Sở Giao dịch 1 TP.HCM	1.869.048.600	1.726.598.401
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bến Thành	23.300.000.000	25.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>40.540.696.934</b>	<b>32.681.142.401</b>

Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bến Thành có thể rút bằng Đồng Việt Nam hoặc ngoại tệ với số tiền tối đa là 15.000.000.000 đồng và đáo hạn vào ngày 22 tháng 7 năm 2012. Khoản vay này chịu lãi suất theo thông báo lãi suất cho vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương - Chi nhánh Bến Thành tại thời điểm nhận nợ vay. Lãi suất cho mỗi lần rút sẽ được trả vào ngày 26 hàng tháng. Công ty đã sử dụng phương tiện vận tải và nhà xưởng, công trình xây dựng trên đất tọa lạc tại địa chỉ 345-347 An Dương Vương, phường 11, quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh để thế chấp cho khoản vay này (xem Thuyết minh 5.5).

## 5.12 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.748.623.683	7.702.405.025
Thuế thu nhập cá nhân	19.658.186	174.838.483
<b>Cộng</b>	<b>3.768.281.869</b>	<b>7.877.243.508</b>

## 5.13 Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Phải trả Công ty Cấp Thoát Nước Thành phố	451.242.467	451.242.467
Tiền lãi vay dài hạn phải trả Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	1.058.000.494	958.431.001
Thu hộ Công ty TNHH MTV Cơ Khí Điện Lữ Gia	-	3.445.667.552
Cổ tức phải trả	-	13.253.697.600
Lương Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	-	516.000.000
Khoản thưởng cho Ban điều hành Công ty	53.304.054	370.970.000
Phí bảo trì căn hộ	1.327.564.582	-
Phải trả khác	35.329.732	10.618.200
<b>Cộng</b>	<b>2.925.441.329</b>	<b>19.006.626.820</b>

## 5.14 Phải trả dài hạn khác

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Tiền ký quỹ thuê trung tâm thương mại của Công ty TNHH Thiên Thuận Tường	3.593.620.000	-
Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Bất động sản Sài Gòn (*)	25.000.000.000	25.000.000.000
Tiền lãi hợp tác kinh doanh phải trả cho Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Bất động sản Sài Gòn	12.882.216.017	17.882.216.017
<b>Cộng</b>	<b>41.475.836.017</b>	<b>42.882.216.017</b>

(\*) Đây là số tiền Công ty nhận từ Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Bất động sản Sài Gòn để góp vốn hợp tác đầu tư xây dựng Dự án cao ốc phức hợp tại địa chỉ 70 Lữ Gia, phường 15, quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

## 5.15 Vay và nợ dài hạn

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Ngân hàng Phát triển nhà Đồng Bằng Sông Cửu Long - Chi nhánh Chợ Lớn	8.084.557.062	13.539.101.062
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Bến Thành	75.600.000.000	79.546.180.065
Ngân hàng Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - Sở Giao dịch 1 TP.HCM	255.850.350	2.618.890.400
Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM	30.745.592.945	-
<b>Cộng</b>	<b>114.686.000.357</b>	<b>95.704.171.527</b>

Vay dài hạn thể hiện khoản vay từ các ngân hàng sau:

Ngân hàng Phát triển nhà Đồng Bằng Sông Cửu Long dưới hình thức hợp đồng tín dụng có thể chấp theo hợp đồng số D.D.0176.07/ HĐTĐ ngày 27 tháng 4 năm 2007. Các khoản tín dụng này có thể rút bằng Đồng Việt Nam với số tiền tối đa là 30.000.000.000 đồng, thời hạn vay là bảy năm nhằm tài trợ cho việc xây dựng nhà máy cơ khí tại huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. Lãi suất cho vay 0,95%/tháng được tính từ ngày nhận khoản nợ đầu tiên và cố định trong mười hai tháng đầu tiên, tháng thứ mười ba áp dụng theo hình thức thả nổi. Tài sản thế chấp là toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất dự án, toàn bộ giá trị xây dựng của nhà máy tại khu công nghiệp Nhơn Trạch và giá trị máy móc thiết bị nhập ngoại và mua mới trong nước hình thành từ khoản vay.

Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bến Thành theo hợp đồng tín dụng có thể chấp số 0259/TĐ/08CD ngày 10 tháng 4 năm 2008. Các khoản tín dụng này có thể rút bằng Đồng Việt Nam với số tiền tối đa là 150.000.000.000 đồng, thời hạn vay là bảy năm nhằm tài trợ cho việc đóng tiền sử dụng đất của Dự án cao ốc phức hợp 70 Lữ Gia là 100 tỷ đồng và thanh toán cho các chi phí phát sinh của dự án 50 tỷ đồng. Lãi suất cho vay được điều chỉnh theo lãi suất thực tế của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam. Khoản vay được đảm bảo bằng chứng thư bảo lãnh thanh toán có hạn mức bảo lãnh 100 tỷ đồng của Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (CII), một cổ đông lớn của Công ty. Khoản vay còn được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất hình thành trong tương lai tại vị trí của Dự án.

Ngân hàng Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - Sở Giao dịch 1 Thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng tín dụng số 2000-LAV-200906376 ngày 24 tháng 8 năm 2009. Khoản vay nhằm mục đích mua máy móc thiết bị phục vụ sản xuất, có thời hạn vay là 3 năm với thời gian ân hạn là 1 năm. Lãi suất theo công bố của Ngân hàng Xuất Nhập Khẩu Việt Nam tại thời điểm và được điều chỉnh ba tháng một lần. Tài sản đảm bảo là máy móc thiết bị hình thành từ khoản vay này.

**5.15 Vay và nợ dài hạn (Tiếp theo)**

Khoản vay dài hạn từ Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh dùng cho mục đích xây dựng và kinh doanh Dự án cao ốc phức hợp 70 Lữ Gia. Khoản vay này sẽ được hoàn trả bằng tiền hoặc bằng giá trị căn hộ tương đương.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Trong vòng một năm	30.623.592.600	32.681.142.400
Trong năm thứ hai	38.740.407.412	38.152.652.200
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	61.145.592.945	57.551.519.327
Sau năm năm	14.800.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>145.309.592.957</b>	<b>128.385.313.927</b>
Trừ: số phải trả trong vòng mười hai tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	30.623.592.600	32.681.142.400
<b>Số phải trả sau mười hai tháng</b>	<b>114.686.000.357</b>	<b>95.704.171.527</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỬ GIA  
 TÀI CHÍNH  
 HOA

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính kèm theo*

**5.16 Vốn chủ sở hữu**

**a. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2010	82.835.610.000	53.407.837.000	(120.600.768)	1.438.961.863	624.928.244	13.439.492.996	151.626.229.335
Lợi nhuận năm trước	-	-	-	-	-	37.531.582.207	37.531.582.207
Chênh lệch tỉ giá chưa thực hiện	-	-	231.421.068	-	-	-	231.421.068
Lãi hợp tác kinh doanh phải trả	-	-	-	-	-	(17.882.216.017)	(17.882.216.017)
Chia cổ tức cho cổ đông	-	-	-	-	-	(13.253.697.600)	(13.253.697.600)
Chia thưởng cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	-	-	(1.091.389.642)	(1.091.389.642)
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	1.854.859.000	-	(1.854.859.000)	-
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	-	(1.854.859.000)	(1.854.859.000)
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2007, 2008, 2009	-	-	-	-	-	(177.246.862)	(177.246.862)
Tại ngày 01/01/2011	82.835.610.000	53.407.837.000	110.820.300	3.293.820.863	624.928.244	14.856.807.082	155.129.823.489
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	5.323.405.420	5.323.405.420
Chênh lệch tỉ giá chưa thực hiện	-	-	(251.423.651)	-	-	-	(251.423.651)
Chi thưởng cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	-	-	(159.702.162)	(159.702.162)
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(266.170.271)	(266.170.271)
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	266.170.271	-	(266.170.271)	-
<b>Tại ngày 31/12/2011</b>	<b>82.835.610.000</b>	<b>53.407.837.000</b>	<b>(140.603.351)</b>	<b>3.559.991.134</b>	<b>624.928.244</b>	<b>19.488.169.798</b>	<b>159.775.932.825</b>

10/01  
CÁCH  
TÊN  
VÀ  
QU  
V



5.16 **Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

b. **Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Vốn góp của Nhà nước	16.770.000.000	16.770.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	66.065.610.000	66.065.610.000
<b>Cộng</b>	<b>82.835.610.000</b>	<b>82.835.610.000</b>

c. **Cổ phiếu**

	31/12/2011 Cổ phiếu	01/01/2011 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.283.561	8.283.561
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.283.561	8.283.561
+ Cổ phiếu phổ thông	8.283.561	8.283.561
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.283.561	8.283.561
+ Cổ phiếu phổ thông	8.283.561	8.283.561
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

6. **THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

6.1 **Doanh thu**

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Doanh thu bộ phận sản xuất và dịch vụ	34.057.149.104	32.786.050.294
Doanh thu bộ phận xây dựng	52.054.778.825	52.602.189.391
Doanh thu bán quyền kinh doanh căn hộ hình thành trong tương lai	95.530.800.335	134.148.918.405
	<b>181.642.728.264</b>	<b>219.537.158.090</b>
<b>Các khoản giảm trừ</b>		
Hàng bán bị trả lại	1.693.195.943	1.166.521.297
<b>Cộng</b>	<b>179.949.532.321</b>	<b>218.370.636.793</b>

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính kèm theo

## 6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Giá vốn bộ phận sản xuất và dịch vụ	27.943.712.509	32.147.288.136
Giá vốn bộ phận xây dựng	46.911.131.465	43.428.193.062
Giá vốn bán quyền kinh doanh căn hộ hình thành trong tương lai	79.053.596.489	81.601.552.673
<b>Cộng</b>	<b>153.908.440.463</b>	<b>157.177.033.871</b>

## 6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	138.466.624	202.123.374
Lãi từ góp vốn liên doanh	360.000.000	-
Thu nhập từ thanh lý đầu tư vào công ty con	103.684.935	-
<b>Cộng</b>	<b>602.151.559</b>	<b>202.123.374</b>

## 6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Chi phí lãi vay	3.244.033.213	3.981.466.662
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	151.890.586	454.634.550
<b>Cộng</b>	<b>3.395.923.799</b>	<b>4.436.101.212</b>

## 6.5 Thuế thu nhập doanh nghiệp

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	5.509.960.269	46.512.751.625
<i>Trong đó:</i>		
Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính	1.232.433.732	-
Lợi nhuận từ bán căn hộ	4.277.526.537	-
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế:</b>		
<i>Hoạt động sản xuất kinh doanh chính</i>		
Trừ: thu nhập không chịu thuế	(342.113.455)	-
Cộng: các khoản chi phí không được khấu trừ	175.707.434	-
<i>Hoạt động bán căn hộ</i>		
Trừ: thu nhập không chịu thuế	1.184.798.000	10.588.073.952
Cộng: các khoản chi phí không được khấu trừ	(5.760.041.440)	-
<b>Tổng thu nhập chịu thuế</b>		
Hoạt động sản xuất kinh doanh chính	1.066.027.711	35.924.677.673
Hoạt động bán căn hộ	(297.716.903)	-
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất hiện hành	266.506.928	-
Miễn giảm thuế (*)	79.952.079	-
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>186.554.849</b>	<b>8.981.169.418</b>

**6.6 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 được tính bằng số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông chính chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành như sau:

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5.323.405.420	37.531.582.207
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>		
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	10.588.073.952
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	5.323.405.420	26.943.508.255
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	8.283.561	8.283.561
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu	<u>643</u>	<u>3.253</u>

**7. THÔNG TIN KHÁC****7.1 Nghiệp vụ và các số dư với các bên liên quan**

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Doanh thu từ hoạt động liên doanh với DNTN Thương mại Hoàng Phi	360.000.000	381.000.000
Chi phí lãi vay phải trả cho Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM (CII)	4.285.162.438	617.180.167
Thanh toán chi phí lãi vay cho Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP. HCM (CII)	4.185.592.945	-
Vay dài hạn Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM (CII)	66.560.000.000	-
Thanh toán tiền vay dài hạn cho Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP. HCM (CII)	35.814.407.055	-
Thanh toán lãi liên doanh chia cho Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Sài Gòn (SII)	5.000.000.000	-

T.T.N.  
 IAN  
 /A  
 NH  
 HA NH

## 7.1 Nghiệp vụ và các số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)

Tại thời điểm cuối năm, Công ty có số dư với các bên liên quan như sau:

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lãi vay phải trả cho Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	1.058.000.494	958.431.001
Vay dài hạn từ Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	30.745.592.945	-
Phải trả dài hạn cho Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Bất động sản Sài Gòn	25.000.000.000	25.000.000.000
Lãi liên doanh phải trả cho Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Sài Gòn	12.882.216.017	17.882.216.017

Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lương và tiền thưởng	1.128.846.000	1.050.880.000



Nguyễn Văn Thành  
Tổng Giám đốc

Ngày 16 tháng 2 năm 2012

Nguyễn Văn Thông  
Kế toán trưởng